



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN  
MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN

# MỤC LỤC

## CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin chung	06
Quá trình phát triển	08
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	10
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	13
Định hướng phát triển	14
Các yếu tố rủi ro	18

## CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	22
Tổ chức và nhân sự	24
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	31
Tình hình tài chính	32
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	36
Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng	39

## CHƯƠNG III: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	44
Tình hình tài chính	46
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	49
Kế hoạch phát triển trong tương lai	50
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	52
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	54

## CHƯƠNG IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	58
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc	59
Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị	60

## CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	64
Ban kiểm soát	68
Các giao dịch, thù lao, lương thưởng	71

## CHƯƠNG VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021.



## CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CÔNG TY

- Thông tin chung
- Quá trình phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các yếu tố rủi ro



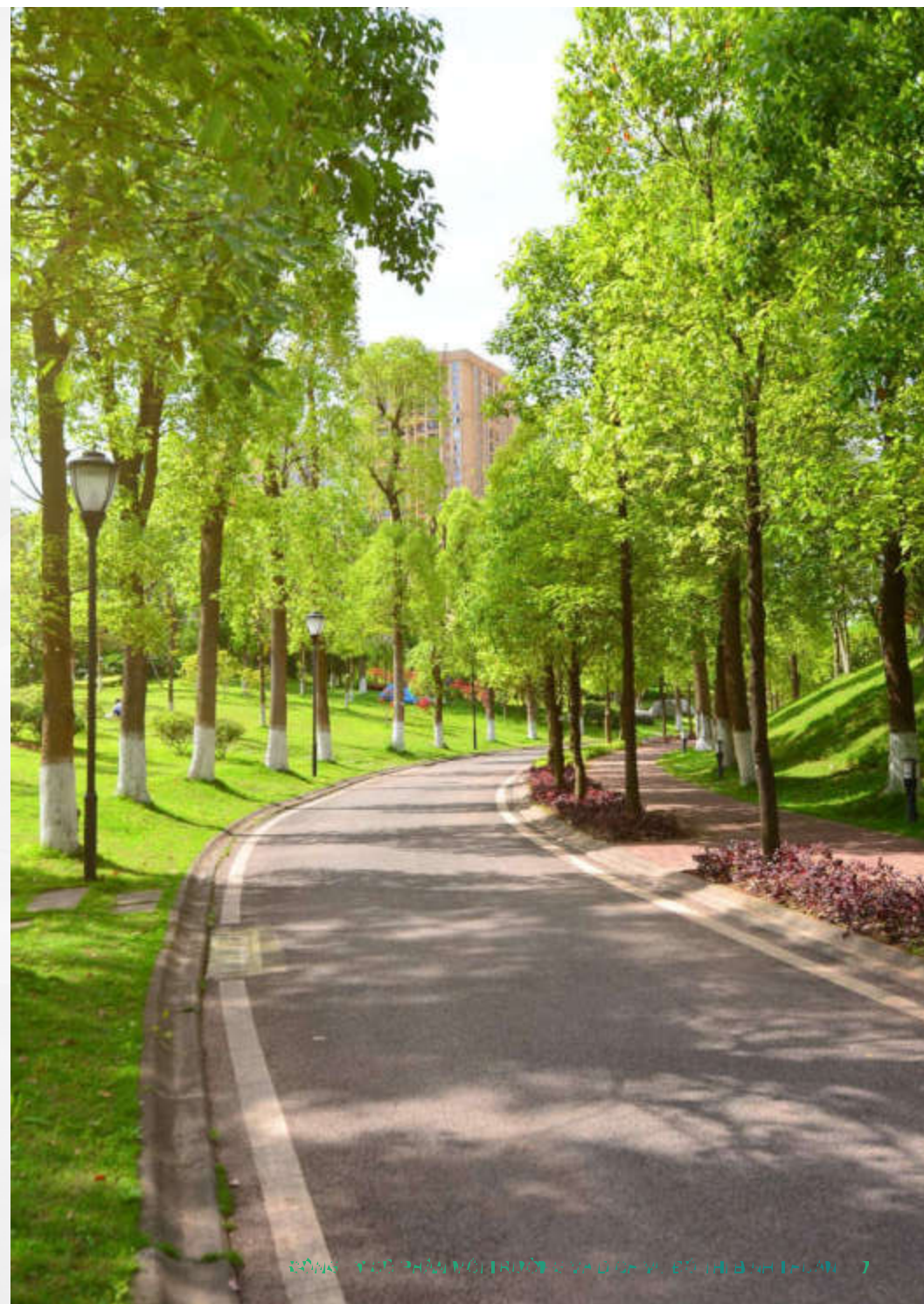




## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



- **Tên Công ty** Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận
  - **Tên Tiếng Anh** Binh Thuan Environment Urban Service Joint Stock Company
  - **Giấy chứng nhận ĐKDN** Số 34.0086172.1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/04/2010, thay đổi lần 2 ngày 28/05/2020
  - **Mã cổ phiếu** BMD
  - **Vốn điều lệ** 27.532.800.000 đồng
- 
- **Trụ sở chính** 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, Tp.Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.
  - **Điện thoại** 02523 819572
  - **Fax** 02523 819572
  - **Email** moitruongdothibinhthuan@gmail.com
  - **Website** www.moitruongdothibinhthuan.vn
- 







## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Mặc dù các điều kiện về lao động, tài sản, giá trị sản lượng, quy mô hoạt động lớn nhưng trực thuộc UBND thị xã Phan Thiết quản lý nên Công ty không được xác định là Doanh nghiệp Nhà nước (theo Nghị định 388/HĐBT).

Do vậy, Công ty được đổi tên và chuyển thành "Ban Quản lý Công trình Công cộng", là đơn vị hành chính sự nghiệp, hoạt động theo phương thức "thực thanh thực chi".

1985

Công ty quản lý Công trình Công cộng được thành lập vào tháng 6/1985, thực hiện các dịch vụ vệ sinh môi trường, duy tu sửa chữa điện chiếu sáng, chăm sóc vườn hoa công viên cây xanh, duy trì hệ thống thoát nước và thực hiện các dịch vụ sản xuất kinh doanh là đơn vị hạch toán độc lập.

1993

UBND Tỉnh Bình Thuận đã có quyết định số 74/QĐ-UBBT ngày 17/01/1995 chuyển Ban Quản lý Công trình Công cộng thành "Công ty Công trình Đô thị Phan Thiết", xác định là đơn vị sự nghiệp kinh tế, có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập thuộc UBND thị xã Phan Thiết quản lý, trụ sở tại số 578 đường Trần Hưng Đạo – Phan Thiết.

2010

Ngày 01/02/2010, UBND Tỉnh có quyết định số 295/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Thuận thành lập Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết trên cơ sở vốn, tài sản, lao động của Công ty Công trình Đô thị Phan Thiết.

2012

Ngày 27/11/2012, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 2377/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết và Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Bình Thuận.

2015

Ngày 12/06/2015, UBND tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1491/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết.

Công ty tổ chức bán đấu giá ra công chúng lần đầu ngày 04/11/2015 tại Trụ sở Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Phan Thiết. Số lượng cổ phần bán đấu giá thành công: 47.042.2 cổ phần. Giá bán thành công bình quân: 10.003 đồng/ cổ phần.

2016

Ngày 29/04/2016, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 thay đổi lần thứ 1.

Ngày 26/09/2016, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký Công ty đại chúng.

2017

Ngày 14/06/2017, Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận chính thức lên sàn giao dịch Upcom, với tổng giá trị đăng ký giao dịch là 27.532.800.000 đồng, mã chứng khoán là BMD.

2021

Công ty tiếp tục phát triển, trở thành một công ty hàng đầu trong lĩnh vực môi trường đô thị. Góp phần xây dựng tỉnh Bình Thuận ngày càng văn minh, phát triển.





# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa.	0118
2	Trồng cây lâu năm khác.	0129
3	Xây dựng nhà để ở.	4101
4	Xây dựng nhà không để ở.	4102
5	Xây dựng công trình đường bộ.	4212
6	Xây dựng công trình điện.	4221
7	Xây dựng công trình cấp, thoát nước.	4222
8	Xây dựng công trình công ích khác.	4229
9	Xây dựng công trình khai khoáng.	4292
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.	4299
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí.	4322
12	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.	4329
13	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.	8129
14	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp.	0210
15	Sửa chữa máy móc, thiết bị.	3312
16	Sửa chữa thiết bị điện.	3314
17	Thoát nước và xử lý nước thải.	3700
18	Thu gom rác thải không độc hại.	3811
19	Thu gom rác thải độc hại.	3812
20	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.	3821



STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
21	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại.	3822
22	Tái chế phế liệu.	3830
23	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.	3900 (Chính)
24	Phá dỡ.	4311
25	Chuẩn bị mặt bằng.	4312
26	Lắp đặt hệ thống điện (thi công lắp đặt hệ thống điện trung – hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông).	4321
27	Hoàn thiện công trình xây dựng (trang trí nội, ngoại thất công trình).	4330
28	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.	4520
29	Cho thuê xe có động cơ.	7710
30	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.	8130
31	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề.	9321
32	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.	0810
33	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).	4931
34	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.	4933
35	Vệ sinh chung nhà cửa.	8121
36	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
37	Hoạt động thiết kế chuyên dụng.	7410
38	Hoạt động tư vấn quản lý.	7020
39	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.	7110





## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

### ĐỊA BÀN KINH DOANH

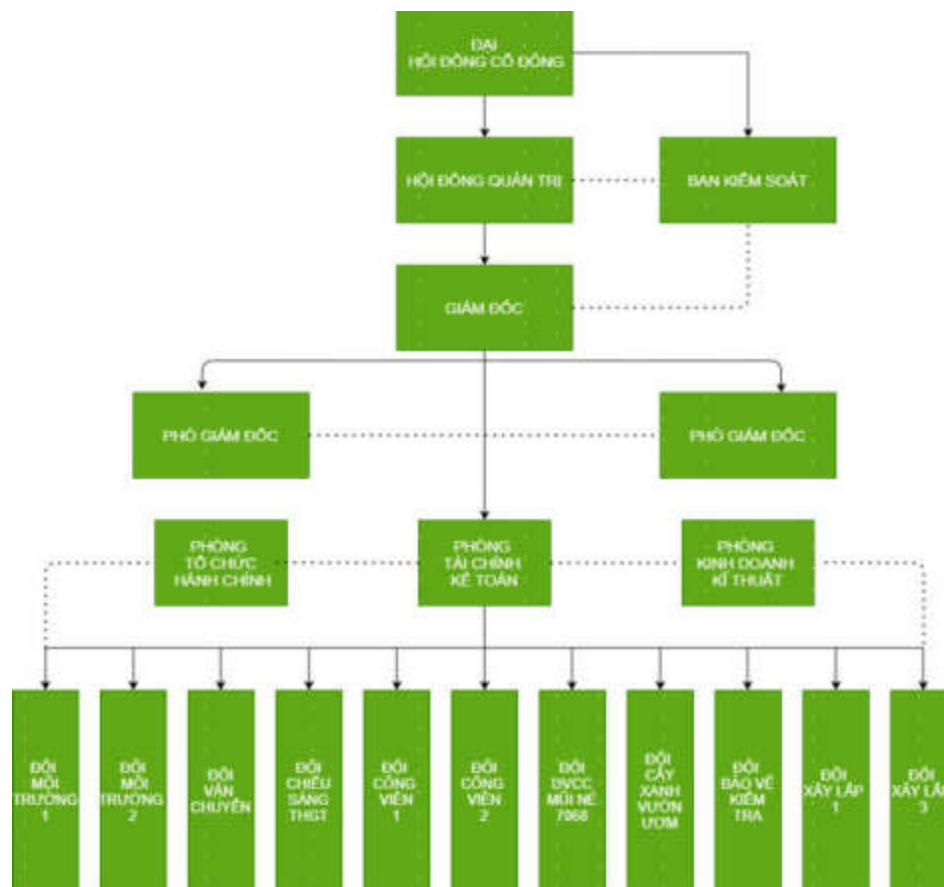
Công ty hoạt động chủ yếu trên địa bàn thành phố Phan Thiết. Đây là địa phương đang có sự phát triển về công nghiệp hóa, đặc biệt là trung tâm du lịch của cả nước, nhu cầu bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường, cảnh quan đô thị của người dân và doanh nghiệp sản xuất là rất lớn. Đây là tiền đề cho sự phát triển của Công ty cũng như cho sự phát triển bền vững của tỉnh Bình Thuận.



## THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Trong năm, Công ty tiếp tục duy trì mô hình quản trị có Ban kiểm soát, như sau:  
Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.





## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

**Đẩy mạnh phát triển ngành nghề dịch vụ, thay đổi để bám sát theo chiều hướng phát triển của thị trường.** Thành phố Phan Thiết nói riêng và tỉnh Bình Thuận nói chung trong những năm gần đây có chủ trương là đẩy mạnh phát triển ngành du lịch, xây dựng một thành phố theo hướng xã hội hiện đại. Đây là điểm thuận lợi cho Công ty khi địa bàn hoạt động chủ yếu là ở Phan Thiết.

**Đảm bảo hoàn thành các kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng Cổ đông đề ra.** Công ty luôn luôn nỗ lực không ngừng trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao, làm khách hàng luôn hài lòng và tin tưởng, tập trung nguồn lực nhằm hỗ trợ thúc đẩy tiến trình đô thị hóa, chỉnh trang đô thị.

**Nâng cao chất lượng trong bộ máy công ty.** Công ty luôn không ngừng củng cố, hoàn thiện bộ máy tổ chức đáp ứng đầy đủ nhu cầu trong công việc. Nâng cao chất lượng từng mặt hoạt động cũng như trình độ lao động để đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Cải thiện quy trình, công nghệ trong tất cả hoạt động của Công ty để tiết giảm được chi phí đầu vào. Kiến nghị cải thiện cơ chế giá thành sản phẩm ngàn hàng vụ cần quan môi trường để Công ty có thể chủ động hơn trong hoạt động kinh doanh.

### SỨ MỆNH

Đáp ứng nhu cầu 100% khách hàng bằng dịch vụ tốt nhất và duy trì bền vững chất lượng dịch vụ tốt nhất. Chuyên nghiệp, đổi mới, cải tiến vươn đến sự hoàn thiện nhằm phát triển thương hiệu rộng khắp.

**Với phương châm:** "Sự hài lòng của khách hàng là mục tiêu phát triển Công ty"

### TÂM NHÌN

Trở thành một Công ty hàng đầu trong lĩnh vực môi trường cảnh quan đô thị.

Thu hút được các nguồn vốn đầu tư từ các tổ chức, nhà đầu tư nhờ vào hiệu quả kinh doanh, uy tín và khả năng điều hành quản trị tốt nhất.

Xây dựng Công ty thành một tổ chức chuyên nghiệp, tạo dựng công ăn việc làm, môi trường làm việc năng động, thu nhập ổn định và đảm bảo đời sống no ấm cho toàn thể CBCNV.



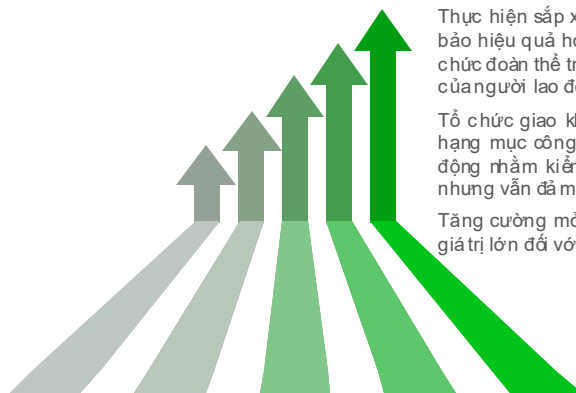
### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN



Thực hiện sắp xếp, tinh gọn mô hình tổ chức nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả hoạt động. Xây dựng các cơ chế hỗ trợ các tổ chức đoàn thể trong đơn vị nhằm phát huy được quyền dân chủ của người lao động, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Tổ chức giao khoán tiền lương theo từng đơn vị sản phẩm hàng mục công việc đến từng bộ phận quản lý và người lao động nhằm kiểm soát việc phát sinh chi phí ngoài kế hoạch nhưng vẫn đảm bảo đời sống người lao động.

Tăng cường mở rộng và tham gia nhiều gói thầu thi công có giá trị lớn đối với các lĩnh vực mà Công ty có lợi thế cạnh tranh.







## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGÂN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Theo kế hoạch sản lượng dịch vụ công ích năm 2021, Công ty cần phải tập trung xây dựng các giải pháp phát triển SXKD năm 2021 mở rộng và tổ chức thực hiện có hiệu quả trên lĩnh vực dịch vụ công ích bảo đảm đạt doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách theo kế hoạch đã xây dựng, cụ thể:

#### Các mục tiêu đối với môi trường:

- Công ty là đơn vị thực hiện nhiệm vụ công ích nên các hoạt động của Công ty đều chú trọng nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn, tiêu chí về môi trường, góp phần làm cho cảnh quan môi trường thành phố Phan Thiết ngày càng sáng – xanh – sạch – đẹp.
- Tuân thủ tuyệt đối luật Bảo vệ Môi trường và các quy định chung của Nhà nước.

#### Các mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng:

- Kiến nghị chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền vận động người dân, đặc biệt là các hộ dân sống ven sông, ven biển, thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan (cây xanh, công viên, điện...) nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong nhân dân.
- Tập trung sửa chữa phương tiện, trang bị kịp thời các công cụ, dụng cụ, thiết bị, cải tiến công nghệ để phục vụ công tác thu gom và vận chuyển rác.
- Cung ứng các dịch vụ an toàn, chất lượng, xây dựng uy tín cho BMD, xây dựng niềm tin cho người dân đối với các hoạt động kinh doanh của BMD nhằm đảm bảo môi trường, cảnh quan thành phố luôn thân thiện, thoáng mát và sạch sẽ.
- Ngày càng nâng cao chất lượng cuộc sống cho người lao động trong Công ty. Khuyến khích tham gia các hoạt động tình nguyện của Công ty tổ chức và thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững, nâng cao giá trị sống.
- Hành động thiết thực và chung tay góp sức đối với các vấn đề cộng đồng và xã hội.





## CÁC RỦI RO



### Rủi ro kinh tế

Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công ích và môi trường, hoạt động trong nền kinh tế Việt Nam sẽ chịu sự tác động trực tiếp từ việc biến động các nhân tố cơ bản của một nền kinh tế như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, chi phí lạm phát, tỷ giá hối đoái, lãi suất..., các biến động vĩ mô này đều là yếu tố khách quan và ảnh hưởng ngay lập tức đến kết quả sản xuất kinh doanh trong năm của các doanh nghiệp.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng 2,58% so với năm 2020. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong thập kỷ gần đây. Trong bối cảnh dịch COVID-19 kéo dài, đặc biệt là trong quý III/2021, biến thể Delta đã tiếp tục gây ra một cú sốc lớn cho nền kinh tế Việt Nam. Nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Bình Thuận, địa bàn hoạt động chính của Công ty, cũng không ngoại lệ. BMD cũng đã bị ảnh hưởng vì gặp khó khăn trong việc triển khai cung cấp dịch vụ trong thời điểm giãn cách toàn xã hội liên tiếp xảy ra.

Để giảm thiểu tác động của rủi ro kinh tế, Công ty luôn chủ động theo dõi, đánh giá tình hình dịch bệnh để có các phương án đối phó kịp thời, hạn chế các tác động tiêu cực và đảm bảo thực hiện mục tiêu kinh doanh của mình.

### Rủi ro cạnh tranh

Trong những năm gần đây, Chính phủ đang đẩy mạnh thực hiện chủ trương hạn chế bớt sự độc quyền của các công ty Nhà nước, tập trung khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân tham gia hoạt động trong cùng ngành nghề như là thực hiện các dịch vụ công ích (thông qua hình thức đấu thầu) thay vì chỉ định từ Nhà nước. Bên cạnh đó, cơ chế đặt thành cung cấp dịch vụ cũng không còn được tiếp tục triển khai, thay vào đó là đấu thầu cung cấp dịch vụ. Do đó ngày càng nhiều đối thủ cạnh tranh tham gia cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, điều này đặt ra một vấn đề nan giải cho Công ty trong việc giữ vững thị phần của mình. Tuy nhiên, Công ty luôn chủ động vào các lợi thế cạnh tranh vô hình của mình như: bề dày hoạt động lâu năm, duy trì và phát triển các mối quan hệ tốt với khách hàng cũ, đẩy mạnh phát triển ra các chiến lược mới... để góp phần giảm thiểu rủi ro cạnh tranh mà công ty sẽ gặp phải.



### Rủi ro pháp luật

Pháp luật là một trong những yếu tố chi phối trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM nên mọi hoạt động của BMD đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật liên quan. Do vậy, song song với khung pháp lý ngày càng đầy đủ và thay đổi không ngừng, Công ty cũng luôn theo dõi, cập nhật các quy định mới, kịp thời thích ứng và điều chỉnh cho phù hợp với các thay đổi khi các văn bản pháp luật mới được ban hành. Việc tuân thủ về mặt pháp lý sẽ giúp Công ty vững vàng hoạt động trong mọi hoàn cảnh và có được niềm tin từ quý nhà đầu tư tiềm năng, bên cạnh đó đảm bảo giảm thiểu các rủi ro phát sinh về vấn đề pháp lý.

### Rủi ro đặc thù ngành

Với đặc thù mô hình kinh doanh của Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, khi giá bán dịch vụ đầu ra được kiểm soát bởi cơ quan ban ngành và khung qui định chung do UBND Tỉnh Bình Thuận ban hành, thì lợi nhuận ròng bị ảnh hưởng trực tiếp từ việc biến động của giá cả nguyên vật liệu đầu vào, cụ thể với BMD thì các chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công... tuy nhiên vấn đề cân bằng thu chi vẫn là một thách thức mà BMD cần phải khắc phục để có thể cải thiện biên lợi nhuận tốt hơn.

Bên cạnh đó, công tác quản lý rác thải vẫn còn gặp nhiều bất cập. Các doanh nghiệp có công tác quản lý chất thải như BMD sẽ bị phụ thuộc vào số lượng lò đốt rác thủ công. Hiện nay, phần lớn rác thải vẫn được xử lý theo phương thức chôn lấp, và nhiều bãi chôn hiện vẫn chưa được UBND Thành phố đầu tư theo quy cách để Công ty có thể vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật, gây ô nhiễm môi trường. Trong khi đó, các lò đốt rác thủ công, vẫn chưa đủ để đáp ứng nhu cầu. Các dự án nhà máy đốt rác triển khai chậm do nhà thầu thiếu vốn, khó hoàn thành theo tiến độ đề ra.

### Rủi ro môi trường

Áp lực từ việc biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng trên toàn thế giới và đã để lại hậu quả nghiêm trọng tại một số nơi trên thế giới, cũng như Việt Nam. Vấn đề về môi trường đòi hỏi công ty hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến môi trường phải nỗ lực đề xuất ra các giải pháp xanh – sạch để giải quyết thực trạng môi trường hiện tại ở Việt Nam, bên cạnh đó hướng tới tầm nhìn dài hạn, các dự án lâu năm, mang nhiều ý nghĩa chung tay vì cộng đồng, góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do tình trạng xả thải từ các khu công nghiệp. Bằng cách này, Công ty sẽ nâng cao được vị thế của doanh nghiệp Việt, đồng thời giữ vững được thị phần trên địa bàn hoạt động của mình và có thể thu hút được vốn đầu tư công từ các tổ chức bảo vệ môi trường thế giới.

### Rủi ro khác

Trong quá trình hoạt động, các rủi ro khác như chiến tranh, hỏa hoạn, thiên tai (lũ lụt, hạn hán...) có thể phát sinh sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt khi mà đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, biến chủng mới lại diễn ra liên tục, Công ty luôn phải chủ động đề phòng, xây dựng những biện pháp về an ninh, y tế,







## CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2021

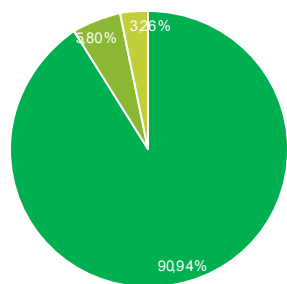
ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH2020	TH2021	TH2021/ TH2020
1	Doanh thu dịch vụ công ích	88.154.645.794	80.592.955.080	91,42%
2	Doanh thu hợp đồng duy tu bảo dưỡng	5.623.313.269	6.007.781.173	106,84%
3	Các khoản doanh thu khác	3.162.479.919	1.279.325.850	40,45%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>96.940.438.982</b>	<b>87.880.062.103</b>	<b>90,65%</b>

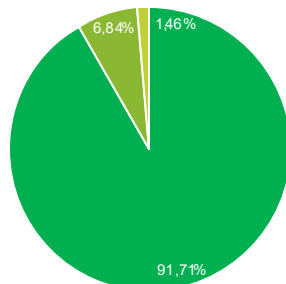
Trong năm 2021 cơ cấu doanh thu của Công ty vẫn không quá thay đổi. Nguồn thu chủ yếu vẫn nằm ở mục doanh thu dịch vụ và công ích, chiếm tỷ trọng hơn 91,71% trong cơ cấu tổng doanh thu. So với năm 2020, tổng doanh thu năm 2021 giảm khá lớn, gần 9,35%, từ 96,94 tỷ đồng năm trước xuống còn 87,88 tỷ đồng năm nay. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tình hình dịch bệnh Covid – 19 diễn biến phức tạp và lan rộng trong năm 2021. Nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài và tỉnh Bình Thuận cũng không ngoại lệ. Điều này tác động lớn đến sinh hoạt bình thường của người dân và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cụ thể, lượng hợp đồng thực hiện dịch vụ của Công ty bị sụt giảm và lượng nhân công lao động ở hiện trường bị thiêu hụt do ảnh hưởng của dịch bệnh.

### CƠ CẤU DOANH THU

Năm 2020



Năm 2021



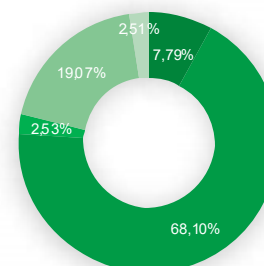
■ Doanh thu dịch vụ công ích ■ Doanh thu hợp đồng duy tu bảo dưỡng ■ Các khoản doanh thu khác

## CƠ CẤU CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	TH2020	TH2021
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ	5.913.945.414	6.292.866.927
2	Chi phí nhân công	59.565.223.191	55.035.788.871
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.077.810.125	2.044.710.163
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.059.722.779	15.409.600.678
5	Chi phí bằng tiền khác	55.409.337	2.028.820.899
	<b>Cộng</b>	<b>87.175.110.846</b>	<b>80.811.787.538</b>

### CƠ CẤU CHI PHÍ THEO YẾU TỐ 2021



■ Chi phí nguyên liệu, vật liệu  
■ Chi phí nhân công  
■ Chi phí khấu hao tài sản cố định  
■ Chi phí dịch vụ mua ngoài  
■ Chi phí khác bằng tiền







## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### DANH SÁCH VÀ LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 05-08-2021:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	33.000	1,20%
2	Bà Trà Thị Thành	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	59.700	2,17%
3	Ông Đinh Hồng Hà	Phó Giám đốc	-	-
4	Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng	400	0,014%

#### Lý lịch Ban điều hành

#### BÀ LÊ THỊ THANH THỦY

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

**Ngày sinh:** 19/02/1970

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Tài chính kế toán doanh nghiệp – Trường Đại học Kinh tế TP. HCM

#### Quá trình công tác:

- 1992 - 1995: Nhân viên kế toán tại Công ty Vật tư tổng hợp Phan Rang - Thuận Hải
- 1995 - 1999: Nhân viên Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp Ninh Thuận
- 1999 - 2005: Nhân viên phòng Tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính Ninh Thuận
- 2005 - 2014: Nhân viên phòng Tài chính Doanh nghiệp Sở Tài chính Bình Thuận
- 2014 - 04/2016: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết
- 05/2016 - 05/2020: Kế toán trưởng, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận
- 05/2020 - nay: Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Cá nhân sở hữu 33.000 cổ phần chiếm 1,20% vốn điều lệ. Đại diện UBND tỉnh Bình Thuận sở hữu 468.057 cổ phần chiếm 17% vốn điều lệ.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có



#### BÀ TRÀ THỊ THÀNH

Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

**Ngày sinh:** 05/11/1974

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Kinh tế lao động – Trường Đại học Kinh tế TP. HCM.

#### Quá trình công tác:

- 1999 - 2006: Nhân viên phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.
- 2006 - 2010: Phó Phòng Tổ chức hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.
- 2010 - 11/2014: Trưởng phòng Nhân sự hành chính Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.
- 11/2014 - 04/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Phan Thiết.
- 05/2016 - nay: Phó Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Cá nhân sở hữu 59.700 cổ phần chiếm 2,17% vốn điều lệ. Đại diện UBND tỉnh Bình Thuận sở hữu 468.057 cổ phần chiếm 17% vốn điều lệ.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### DANH SÁCH VÀ LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

#### ÔNG DINH HỒNG HÀ

Phó Giám đốc

Ngày sinh: 14/07/1978

**Trình độ chuyên môn:** Đại học - Chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

**Quá trình công tác:**

- 2001 - 2003: Quản lý dự án phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI.
- 2004 - 2010: Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Lộc.
- 2010 - 2013: Giám đốc Công ty TNHH Đức Hiệp.
- 2006 - 2014: Giám đốc Công ty Home Essential Việt Nam.
- 2014 - 2017: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nhật Hoàng.
- 2018 - nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ đô thị Bình Thuận.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó Giám đốc Tổng hợp Tập đoàn Nhật Hoàng - Công ty TNHH Nhật Hoàng

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có



#### ÔNG NGUYỄN THANH PHƯƠNG

Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Ngày sinh: 09/06/1988

**Trình độ chuyên môn:** Đại học - Chuyên ngành Kế toán

**Quá trình công tác:**

- 04/2011 - 05/2011: Nhân viên Đội DVCC Mũi Né.
- 06/2011 - 09/2015: Nhân viên kế toán Phòng Dự án - XD CB.
- 10/2015 - 04/2016: Nhân viên kế toán Đội Vận chuyển.
- 05/2016 - 10/2018: Nhân viên Phòng Tài chính kế toán.
- 05/2020 - 04/2021: Phụ trách kế toán - Phó phụ trách Phòng Tài chính kế toán Công ty.
- 04/2021 - Nay: Kế toán trưởng Công ty.
- 06/2021 - Nay: Thành viên HĐQT BMD.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không có.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 400 cổ phần chiếm 0,014% vốn điều lệ

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

### NHỮNG THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2021

**Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng:**

Họ và tên: Nguyễn Thanh Phương

Ngày bổ nhiệm: 26/4/2021





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>416</b>	<b>100,00%</b>
1	Trên đại học	0	-
2	Đại học	28	6,3,64%
3	Trung cấp	16	3,6,36%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>416</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	83	19,95%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	333	80,05%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>416</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	248	59,62%
2	Nữ	168	40,38%



### Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động	Người	414	418	416	416
Thu nhập bình quân	Đồng/gười/ tháng	7.283.000	7.870.000	8.840.000	8.088.595

Dự kiến 2022, số lượng nhân sự sẽ duy trì 416 người. Thu nhập bình quân là 6.560.392 đồng/người/ tháng.

Qua các năm, thu nhập bình quân của người lao động tại BMD đều tăng lên. Bên cạnh đó, Công ty vẫn có những chính sách tăng lương để duy trì được nguồn nhân lực, cho thấy được BMD luôn quan tâm đến quyền lợi và đảm bảo mức sống ngày càng nâng cao cho người lao động.







## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Nguồn nhân lực luôn đóng vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. BMD luôn tạo mọi điều kiện để cho người lao động có thể yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty, đặc biệt là các lao động có trình độ và tay nghề cao. Tại BMD, người lao động được hưởng các chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng, phù hợp với từng thời kỳ và từng giai đoạn phát triển, đảm bảo tính linh hoạt, công bằng, tương xứng với mức độ cống hiến của từng cá nhân và đảm bảo sự cạnh tranh trong thị trường lao động.

#### Về đào tạo

Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng toàn diện cho CBCNV, đặc biệt là ở các mảng chuyên môn nghiệp vụ, hệ thống quản lý chất lượng. Các hoạt động đào tạo nội bộ như quản lý kinh doanh, an toàn lao động, hoàn thiện quy chế, quy định của Công ty và tuân thủ pháp luật được Công ty tổ chức đều đặn hàng năm, từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Riêng lao động cần nâng cao tay nghề khi phát sinh những quy trình công nghệ mới đều được gửi đi đào tạo chuyên sâu trực tiếp tại các đơn vị.

#### Về tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thường xuyên tìm kiếm người phù hợp có năng lực, thu hút về làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Nhân sự được tuyển dụng không chỉ có năng lực phù hợp mà còn được định hướng phát triển nghề nghiệp gắn bó lâu dài cùng Công ty.

Tùy theo từng vị trí cụ thể Công ty sẽ đề ra những tiêu chuẩn riêng biệt, song tất cả đều phải đáp ứng được các yêu cầu tổng thể như: trình độ chuyên môn cơ bản, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí chuyên biệt quan trọng, yêu cầu tuyển dụng sẽ khắt khe hơn gồm các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác và khả năng phân tích.

#### Môi trường công việc

Cán bộ, công nhân lao động Công ty được đảm bảo công việc ổn định, liên tục với điều kiện lao động sản xuất ngày càng được hoàn thiện. Công ty luôn chú trọng tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công nhân lao động được làm việc, cống hiến hết mình và tận hưởng thành quả lao động của mình.

Đối với bộ phận gián tiếp sản xuất (khối văn phòng), Công ty thực hiện chế độ làm việc 44h/tuần; đối với khối trực tiếp sản xuất sẽ tổ chức làm việc theo ca. Khi có yêu cầu tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước.

CBCNV được nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của Bộ Luật Lao động, được hưởng nguyên lương và bảo hiểm xã hội. Chế độ nghỉ phép của CBCNV sẽ lấy tiền theo số năm làm việc và tính chất nguy hại của công việc.

Công ty luôn trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn vệ sinh nơi làm việc, môi trường tốt để làm việc. Công ty thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ lao động về hành vi an toàn lao động từ khi mới chính thức gia nhập và trong suốt quá trình làm việc.

#### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng từng nhánh công việc và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

Hàng năm, nhằm khuyến khích động viên người lao động gia tăng hiệu quả đóng góp. Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể có những thành tích nổi bật. Mức khen thưởng sẽ phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty, hiệu quả kinh tế tập thể của người lao động và quy chế của Công ty.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Không có





## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	97.133.201.231	85.676.571.937	88,21%
2	Doanh thu thuần	96.940.438.982	87.880.062.103	90,65%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.766.309.506	8.465.450.494	96,57%
4	Lợi nhuận khác	-1.511.109.506	-762.600.494	-
5	Lợi nhuận trước thuế	8.615.200.000	7.702.850.000	89,41%
6	Lợi nhuận sau thuế	7.383.777.148	6.491.908.272	87,92%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/VĐL	10,2%	10% (*)	

(\*) Theo kế hoạch của Công ty tại ĐHCĐ thường niên năm 2021

Năm 2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và quy định về giãn cách xã hội, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng đáng kể. Theo đó, các chỉ tiêu tài chính đều giảm so với thực hiện năm 2020. Tổng tài sản Công ty ghi nhận giảm 11,79%, từ 97,13 tỷ đồng giảm còn 85,68 tỷ đồng. Các chỉ tiêu về hiệu quả kinh doanh cũng giảm so với năm 2020. Doanh thu thuần giảm từ 96,94 tỷ đồng năm 2020 xuống còn 87,88 tỷ đồng năm nay, tương ứng mức giảm 9,35%. Lợi nhuận sau thuế đạt 6,49 tỷ đồng, giảm 12,08% so với năm trước.



## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,47	1,60
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,45	1,56
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	61,91%	56,68%
Hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu	%	162,56%	130,84%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	47,60	51,25
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	1,00	0,96
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	7,62%	7,39%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn Chủ sở hữu bình quân (ROEA)	%	20,81%	17,52%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	7,59%	7,10%
Hệ số từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,04%	9,63%



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

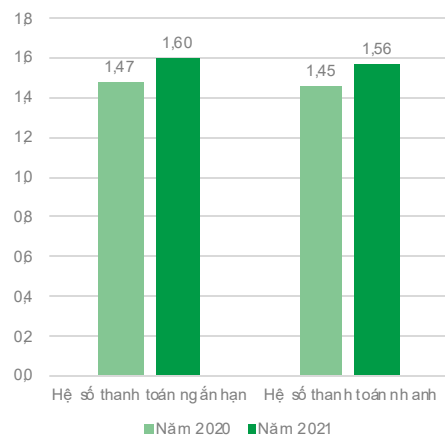
### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

#### Khả năng thanh toán

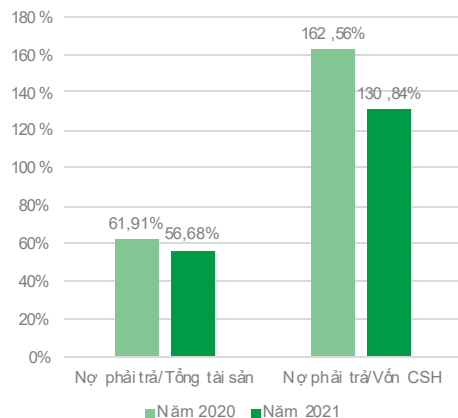
Khả năng thanh toán của Công ty trong các năm qua luôn được duy trì ở mức an toàn. Cụ thể, Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,47 năm trước lên 1,60 vào năm nay và Hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 1,45 lên 1,56.

Thời điểm cuối năm 2021, Công ty ghi nhận Tài sản ngắn hạn và Nợ ngắn hạn đều giảm so với năm trước. Tuy nhiên, tỷ lệ giảm Tài sản ngắn hạn lại ít hơn tỷ lệ giảm Nợ ngắn hạn. Dẫn đến, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán vẫn ghi nhận mức tăng đáng kể. Tài sản ngắn hạn giảm từ 84,16 tỷ đồng cuối năm trước xuống còn 74,61 tỷ đồng vào cuối năm nay. Chi tiết cho thấy, nguồn giảm lớn nhất là khoản mục tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của Công ty, ghi nhận giảm đến 13,88 tỷ đồng. Lý do chủ yếu là để chi trả phần lương còn nợ nhân viên, người lao động của những năm trước.

#### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN



#### CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN



#### Cơ cấu vốn

Về cơ cấu nguồn vốn của Công ty trong năm 2021, với việc Nợ phải trả giảm đã giúp các chỉ tiêu về cơ cấu vốn cải thiện đáng kể. Chi tiết cho thấy, Tổng nợ phải trả đã giảm từ 60,14 tỷ đồng năm trước xuống còn 48,56 tỷ đồng vào năm nay, tương ứng mức giảm tới 19,25%. Nguyên nhân chủ yếu bởi sự ghi nhận giảm tới hơn 10,62 tỷ đồng do khoản Phải trả người lao động giảm. Bên cạnh đó, Vốn chủ sở hữu trong năm không có biến động. Điều này đã giúp hệ số Nợ phải trả/Vốn Chủ sở hữu giảm từ 162,56% vào cuối năm 2020 xuống còn 130,84% ở thời điểm cuối năm nay.

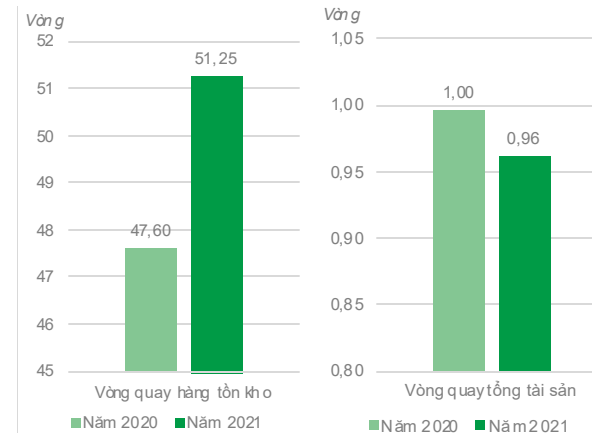
#### Năng lực hoạt động

Nhìn chung, các chỉ số về năng lực hoạt động của công ty năm 2021 khá tương đồng so với năm trước, trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam bị ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19, và lĩnh vực kinh doanh của Công ty ngày càng xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh từ các Công ty tư nhân. Điều này cho thấy tiềm lực vững chắc của Công ty và sự nỗ lực từ Ban lãnh đạo và Ban thể CBCNV trong năm 2021.

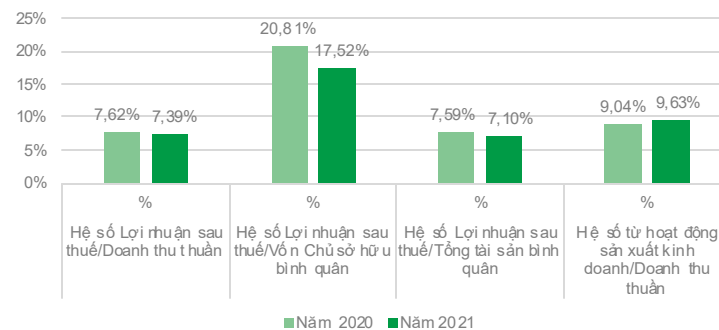
Vòng quay hàng tồn kho của Công ty luôn được duy trì ở mức cao, vì đặc thù kinh doanh của Công ty chủ yếu là các hoạt động cung cấp dịch vụ nên các sản phẩm tồn kho phần lớn là các dụng cụ hỗ trợ có giá trị thấp.

Chiếm tỷ trọng cao trong nguồn vốn lưu động của Công ty là các khoản phải thu và hầu hết chi phí để duy trì hoạt động là tiền lương của CBCNV, phần lớn chi phí này sẽ được hạch toán vào mục giá vốn hàng bán tùy theo các loại hình cung cấp dịch vụ của Công ty. Do đó doanh thu của Công ty luôn cao hơn rất nhiều đối với giá trị hàng tồn kho.

Về chỉ số vòng quay tổng tài sản của công ty không thay đổi quá nhiều, ghi nhận mức giảm nhẹ từ 1,00 năm trước xuống còn 0,96 vào năm nay. Nguyên nhân là vì cả doanh thu và tổng tài sản của Công ty năm 2021 ghi nhận giảm so với năm 2020 với tỷ lệ giảm khá tương đồng.



#### CÁC CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



#### Khả năng sinh lời

Với tác động của đại dịch Covid – 19, nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài, tỉnh Bình Thuận cũng không ngoại lệ. Điều này đã làm cho doanh thu hoạt động của Công ty ghi nhận mức tăng trưởng âm sau sự tăng trưởng đều đặn trong 5 năm qua. Nhìn chung, các chỉ tiêu về Khả năng sinh lời có sự giảm nhẹ trong năm nay.





# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 05/08/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	1.458.400	14.584.000.000	52,97%
II	Cổ đông trong nước	1.294.880	12.948.800.000	47,03%
1	Cán nhân	1.294.880	12.948.800.000	47,03%
2	Tổ chức	-	-	-
III	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
Tổng cộng (I+II+III)		2.753.280	27.532.800.000	100,00%

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	UBND tỉnh Bình Thuận	1.458.400	52,97%	Cổ đông nhà nước
2	Lê Quang Huy	434.271	15,57%	
3	Phan Thị Na	368.058	13,37%	

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Không có





## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Tác động lên môi trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Môi trường và dịch vụ đô thị, Công ty luôn nhận thức được rõ ràng những tác động của môi trường đến cuộc sống của con người và hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Trong mọi hoạt động, Công ty đều hướng đến trách nhiệm của mình với môi trường, thể hiện qua việc gìn giữ môi trường tại nơi làm việc, môi trường sống của cộng đồng xung quanh. Công ty luôn thực hiện những biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính như sử dụng nhiên liệu sinh học và tiêu chuẩn phát thải mới, hiện đại hóa các phương tiện mà Công ty sử dụng.

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được để có thể bảo đảm khả năng cung cấp các dịch vụ chất lượng, an toàn.

Bên cạnh đó, Công ty cũng chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy thông qua công tác chọn lọc, đánh giá nhà cung ứng, đảm bảo có chứng nhận về chất lượng (C/Q), nguồn gốc xuất xứ (C/O) đối với các mặt hàng theo tiêu chuẩn quy định để giảm thiểu rủi ro mua hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư.

Việc đưa ra các quy định đối với các hóa chất xử lý chất thải cũng là một vấn đề quan trọng được Công ty chú trọng. Công ty luôn có những quy định về liều lượng sử dụng, cách thức bảo quản để tránh trường hợp sử dụng hóa chất vượt mức, gây ô nhiễm môi trường. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.



### Tiêu thụ năng lượng

Hoạt động vận chuyển rác, vận hành thiết bị chuyên dụng của Công ty chủ yếu sử dụng nguồn năng lượng như dầu, nhớt, điện năng... Cụ thể trong năm 2021, Công ty đã tiêu thụ năng lượng như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Số lượng	Tổng tiền (triệu đồng)
1	Tổng dầu tiêu thụ	Lít	339.188	5.140,926
2	Tổng nhớt tiêu thụ	Lít	2.986	143,701
3	Tổng mỡ bôi tiêu thụ	Kg	46	5,06
4	Tổng chế phẩm xử lý rác	Gallon	111,01	171,231

### Tiêu thụ nước

Nước được Công ty sử dụng trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây xanh, vệ sinh đường phố và phục vụ cho hoạt động diễn ra hằng ngày của CBCNV. Trong những năm gần đây vấn đề biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng khó lường và khắc nghiệt tại tỉnh Bình Thuận, đặc biệt là vấn đề sụt lún bờ biển và hoang mạc hóa gây ra tình trạng khan hiếm nước ngọt, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và đời sống người dân trong tỉnh. Chính vì thế, Công ty chủ trương bàn bộ CBCNV sử dụng tiết kiệm nguồn nước ngọt, tránh lãng phí. Hoạt động tưới tiêu đã hợp đồng mua nước thô để tiết kiệm nước trong thời gian qua cũng đem lại nhiều hiệu quả tích cực. Nguồn nước chủ yếu của Công ty là từ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận. Tổng lượng nước được sử dụng trong năm 2021 là 225.333 m<sup>3</sup>.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định giữ gìn và bảo vệ môi trường. Trong quá trình thu gom vận chuyển rác thải, nếu phát hiện các đơn vị, cơ sở sản xuất trong địa bàn thành phố vi phạm các quy định về xả rác thải, gây ô nhiễm môi trường, sẽ kịp thời thông tin báo cáo Chính quyền xử lý đúng quy định.

Công ty đã được Sở Tài nguyên Môi trường cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại. Định kỳ báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho Sở Tài nguyên Môi trường theo quy định.



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### Chính sách liên quan đến người lao động

Ngoài việc đảm bảo quyền lợi cho cổ đông thì việc chăm lo đời sống nhân viên, người lao động luôn là vấn đề lưu tâm hàng đầu của Công ty. BMD hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực dịch vụ nên lực lượng lao động đóng vai trò nòng cốt trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn cố gắng tạo tâm lý phấn khởi cho người lao động an tâm công tác và gắn bó lâu dài. Để có thể làm được điều đó, trước hết, Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về đãi ngộ đối với người lao động. Tất cả nhân viên chính thức của Công ty đều được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Ngoài ra, Công ty có chính sách lương thưởng đặc biệt đối với nhân viên, người lao động giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan.

Trong năm, Công ty đã dành thời gian 5 giờ để tổ chức huấn luyện an toàn vệ sinh lao động cho nhân viên, người lao động. Công ty cũng thường xuyên tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên, người lao động, đối với người lao động tạo điều kiện bình thường 01 lần/năm và đối với người lao động làm việc trong điều kiện nguy hiểm là 02 lần/năm. Các bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn lao động cũng được Công ty chi trả đầy đủ cho người lao động.

Hàng năm, Công ty tổ chức nghỉ dưỡng cho nhân viên, người lao động 4 đợt. Bên cạnh đó, các hoạt động công đoàn như hội thao các bộ môn: bóng đá, cờ tướng, cầu lông... cũng được Công ty chú tâm tổ chức, phục vụ đời sống tinh thần của CBCNV.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Duy trì truyền thống về các hoạt động xã hội nhằm chăm lo cộng đồng địa phương nói chung và từng hoàn cảnh cá nhân khó khăn cần sự giúp đỡ mà Công ty biết được. Trong năm 2021, mặc dù tình hình hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính có nhiều khó khăn, Công ty cũng đã cố gắng tham gia các đóng góp thiết thực cho cộng đồng. Cụ thể theo các nhóm hoạt động sau:

Các nhóm hoạt động	Số tiền đóng góp (đồng)
Ứng hộ chương trình "Sống và máy tính cho em 2021"	3.000.000
Ứng hộ chương trình "Công trình nông thôn mới năm 2021"	3.000.000

Ngoài ra còn hỗ trợ các phương tiện xã trong công tác tổng vệ sinh; lắp đặt, đấu nối điện chiếu sáng trong các khu dân cư khi có yêu cầu.







### CHƯƠNG III: BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



## Những thuận lợi và khó khăn trong năm 2021

# PROS AND CONS



### Thuận lợi

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công ích, với hơn 50% cổ phần đến từ nhà nước, cụ thể là UBND tỉnh Bình Thuận, đây là lợi thế giúp Công ty có được những điều kiện thuận lợi để phát triển và mở rộng sản xuất. Các cơ quan, ban ngành có nhiều sự quan tâm, hỗ trợ cho Công ty trong quá trình hoạt động tại địa phương.

Công ty hoạt động chủ yếu ở thành phố Phan Thiết, là trung tâm kinh tế, chính trị, du lịch của tỉnh Bình Thuận. Do đó, đây là một lợi thế cho Công ty trong việc cung cấp dịch vụ công ích. Địa phương cũng là một nơi đang có sự phát triển về công nghiệp hóa, đặc biệt là trung tâm du lịch của cả nước, nhu cầu bảo vệ giữ gìn vệ sinh môi trường của người dân và doanh nghiệp sản xuất là rất lớn. Đây là tiền đề cho sự phát triển của Công ty.

Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành và là đơn vị đã hoạt động lâu dài tại địa phương, Công ty đảm bảo nguồn cung đầu vào và nguồn cầu đầu ra cho dịch vụ công ích ổn định. Công ty có định hướng rõ ràng trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Định hướng phát triển của Công ty gắn liền với sự phát triển các khu dân cư, khu công cộng tại thành phố Phan Thiết. Về lâu dài, Công ty sẽ tổ chức hoạt động thu gom rác thải và các hoạt động khác mang tính khoa học và chuyên nghiệp hơn đồng thời huy động thêm những thế mạnh của Công ty bằng cách chuyển dịch một số ngành nghề hoạt động.

Các công trình Điện chiếu sáng, chốt tín hiệu giao thông và Công trình công viên Cây xanh sau khi dự án hoàn thành được chủ đầu tư bàn giao cho Công ty thực hiện Duy tu, bảo dưỡng và quản lý chăm sóc.

UBND Tỉnh chủ trương tổ chức đấu thầu toàn bộ các hoạt động Dịch vụ công ích đã tạo nên môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề cùng lĩnh vực, nâng cao năng lực quản lý điều hành của Ban điều hành doanh nghiệp.

### Khó khăn

Chi phí đầu vào thường không ổn định trong khi giá cả đầu ra thì Công ty lại không thể tự chủ quyết định nên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh luôn bị ảnh hưởng. Giá cả vật tư, nhiên liệu không ổn định do biến động thị trường làm chi phí đầu vào tăng, ảnh hưởng đến đơn giá đặt hàng của Công ty. Trong khi đó, các Sở ngành tham mưu UBND tỉnh Bình Thuận ban hành định mức, đơn giá còn thấp không phù hợp thực tế làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Doanh nghiệp.

Ý thức của một bộ phận nhân dân về môi trường còn hạn chế, đặc biệt trong việc tham gia giữ gìn vệ sinh công cộng và các công trình hạ tầng đô thị, một số ít người dân vẫn có xu hướng tự đem rác ra đổ bừa bãi ở những nơi công cộng, tự ý chặt phá, hủy hoại cây xanh, thả rông bò ăn hoa cỏ công viên gây mất cảnh quan đô thị.

Tốc độ đô thị hóa tăng nhanh kèm theo đó là nhu cầu dịch vụ đô thị môi trường ngày càng tăng. Theo yêu cầu thực tế đó, Công ty cần thêm nguồn vốn để đầu tư thêm nhiều phương tiện chuyên dùng để vận chuyển, xử lý rác thải.

## Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Năm 2021 là một năm khó khăn đối với Công ty khi có kết quả kinh doanh có phần sụt giảm so với năm trước trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Cụ thể hơn, doanh thu thuần đạt gần 96,94 tỷ đồng, giảm 9,35% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế ghi nhận giảm 10,39% so với năm 2020, giảm từ 8,62 tỷ đồng xuống còn 7,70 tỷ đồng.

ĐVT: Đồng				
STT	Khoản mục	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2021/ Năm 2020
1	Doanh thu thuần	96.940.438.982	87.880.062.103	90,65%
2	Lợi nhuận trước thuế	8.615.200.000	7.702.850.000	89,41%
3	Lợi nhuận sau thuế	7.383.777.148	6.491.908.272	87,92%





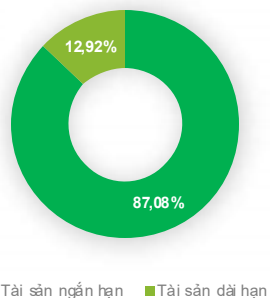
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	2021/2020
<b>A</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>84.158.682.314</b>	<b>74.605.826.847</b>	<b>88,65%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	39.898.122.339	26.017.883.967	65,21%
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.000.000.000	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	40.155.577.363	47.003.277.160	117,05%
4	Hàng tồn kho	1.104.982.612	1.584.665.720	143,41%
<b>B</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>12.974.518.917</b>	<b>11.070.745.090</b>	<b>85,33%</b>
1	Tài sản cố định	12.842.812.591	10.798.102.428	84,08%
2	Tài sản dài hạn khác	131.706.326	272.642.662	207,01%
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>97.133.201.231</b>	<b>85.676.571.937</b>	<b>88,21%</b>

CƠ CẤU TÀI SẢN NĂM 2021



Tại ngày 31/12/2021, tổng tài sản thay đổi đáng kể so với cùng thời điểm năm trước, giảm hơn 11,79%, từ 97,13 tỷ đồng xuống còn 85,67 tỷ đồng. Tài sản dài hạn ghi nhận giảm đến 14,67%, từ 12,97 tỷ đồng thời điểm cuối năm trước xuống còn 11,07 tỷ đồng năm nay. Khoản giảm này chủ yếu do khấu hao vì tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là các tài sản cố định (nhà cửa, xe chuyên dụng, thiết bị...).

Đặc thù ngành nghề kinh doanh là làm dịch vụ nên lượng tài sản ngắn hạn của Công ty luôn chiếm tỷ trọng cao, năm 2021 là 87,08% tổng tài sản. Tài sản ngắn hạn giảm từ 84,16 tỷ đồng cuối năm trước xuống còn 74,61 tỷ đồng vào cuối năm nay. Việc chi trả phần lương còn nợ cho cán bộ công nhân viên là nguyên nhân chính cho sự giảm này. Khoản mục tiền mặt và tiền gửi ngân hàng của Công ty, ghi nhận giảm đến 13,88 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Khoản phải thu ngắn hạn cũng ghi nhận tăng đáng kể, từ 40,16 tỷ đồng cuối năm 2020 lên 47,00 tỷ đồng vào cuối năm nay. Phần lớn đến từ UBND Thành phố Phan Thiết, khi khoản phải thu ngắn hạn tăng từ 27,99 tỷ đồng thời điểm cuối năm ngoái lên 35,68 tỷ đồng năm nay, tương ứng tăng 7,69 tỷ đồng. Là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực dịch vụ công ích, môi trường đô thị, UBND Thành phố Phan Thiết là khách hàng chính của Công ty. Việc thành phố chậm thanh toán tiền đã làm ảnh hưởng lớn đến tài chính của Công ty, dẫn đến việc chậm chi trả lương cho nhân viên, người lao động.

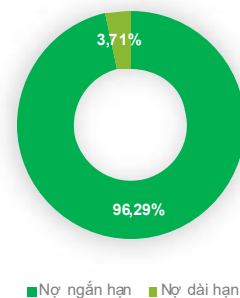


### TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2021	2021/2020
<b>A</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>57.098.237.857</b>	<b>46.761.035.097</b>	<b>81,90%</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	2.788.637.163	3.918.178.539	140,51%
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	86.622.294	386.483.557	446,17%
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	5.788.281.947	6.252.527.008	108,02%
4	Phải trả người lao động	31.812.057.915	21.187.271.157	66,60%
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	13.309.668.650	9.203.476.909	69,15%
6	Phải trả ngắn hạn khác	306.953.111	448.581.944	146,14%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.060.000.000	1.240.000.000	60,19%
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	946.016.777	4.124.515.983	435,99%
<b>B</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>3.040.000.000</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>59,21%</b>
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	3.040.000.000	1.800.000.000	59,21%
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>60.138.237.857</b>	<b>48.561.035.097</b>	<b>80,75%</b>

CƠ CẤU NỢ PHẢI TRẢ NĂM 2021



Nợ phải trả của BMD cũng ghi nhận giảm mạnh trong năm vừa qua. Số liệu cho thấy, tổng nợ phải trả giảm từ 60,138 tỷ đồng thời điểm cuối năm trước xuống còn 48,56 tỷ đồng cuối năm nay tương ứng giảm 19,25%. Tại ngày 31/12/2021, Nợ dài hạn chỉ chiếm 3,71% trong cơ cấu tổng nợ phải trả. Trong khi đó, Nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao và ghi nhận giảm mạnh trong năm. Chi tiết cho thấy, khoản nợ phải trả người lao động của Công ty đã giảm mạnh tới 10,62 tỷ đồng.





## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



### Về công tác nghiên cứu

Công tác nghiên cứu vẫn luôn được Công ty chú trọng, đẩy mạnh. Hiện nay, tốc độ thay đổi thị hiếu của người dân và tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh ở địa bàn hoạt động. Công ty đang trong quá trình nghiên cứu cải tiến phương pháp xử lý rác từ chôn lấp sang chu yển hóa thành phân compost, có thể dùng để bón cho cây trồng. Đây là loại phân sạch, thân thiện với môi trường, có khả năng cải tạo đất. Hình thức xử lý này phù hợp với xu hướng bảo vệ môi trường hiện nay, đồng thời mở ra một thị trường kinh doanh đầy tiềm năng cho Công ty.

### Về công tác quản lý

Công tác quản lý vẫn luôn được tiếp tục hoàn thiện. Công ty luôn có các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, làm cơ sở để đẩy mạnh hiệu quả quản lý doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động kinh doanh. Xây dựng các quy định thang bảng lương sát với khả năng cụ thể của từng lao động và quy chế trả lương phải phù hợp, hướng đến đảm bảo công bằng và hiệu quả.

### Về nhân sự

Đời sống nhân viên, người lao động trong Công ty được duy trì ổn định. Các khoản lương thưởng được chi trả đúng theo quy chế dành cho người lao động của Hội đồng quản trị ban hành. Gia tăng các buổi huấn luyện đào tạo nghiệp vụ, chuyên môn của người lao động nhằm đảm bảo nguồn lực phát triển của Công ty. Nhân viên, người lao động sau khi được đào tạo đã áp dụng kiến thức mới rất thành công vào công việc hoạt động hằng ngày của Công ty.

### Về cơ cấu tổ chức

Ban điều hành liên tục triển khai đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý theo định kỳ, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng tinh gọn, đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh.



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Kế hoạch kinh doanh năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	86.478,934
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	79.546,369
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	6.932,565
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.515,412
5	Lao động bình quân	Người	416
6	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/ người/tháng	6,560

### Kế hoạch phân phối lợi nhuận trong năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	27.532,800
2	Trích lập các quỹ	Triệu đồng	2.762,132
2.1	Quỹ Đầu tư phát triển	Triệu đồng	551,541
2.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi NLD	Triệu đồng	2.045,129
2.3	Quỹ thưởng NQL chuyên trách và không chuyên trách	Triệu đồng	165,462
3	Chia cổ tức	Triệu đồng	2.753,28
4	Tỷ lệ cổ tức / Vốn điều lệ	%	10

### Kế hoạch đầu tư năm 2022

Không có

### Biện pháp thực hiện

- Tham gia đấu thầu thành công các gói thầu cung ứng dịch vụ công ích của thành phố Phan Thiết.
- Tăng cường công tác khai thác, tiếp thị, mở rộng địa bàn cung cấp dịch vụ.
- Tổng hợp và phân tích hiệu quả hoạt động SXKD trên các lĩnh vực hoạt động, điều chỉnh định mức, phân bổ lại các khoản mục chi phí, xây dựng định mức nội bộ thuộc bộ phận rác thải, rà soát tiêu hao nguyên nhiên vật liệu đầy đủ, kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất. Tăng cường công tác quản lý, theo dõi xuất nhập vật tư, tài sản Công ty để phòng chống các hiện tượng tiêu cực xảy ra.
- Đẩy mạnh nguồn lực thực hiện các mảng dịch vụ có tỷ suất lợi nhuận cao như thu gom rác thải, rác dọn vệ sinh và cung cấp các dịch vụ như sửa chữa đèn chiếu sáng, nạo vét mương cống, chăm sóc cây xanh, hoa kiểng tại các cơ quan, đơn vị trong và ngoài thành phố.
- Mở rộng kênh marketing truyền miệng nhờ vào tiếp khách hàng doanh nghiệp tích lũy trước đó của Công ty
- Thực hiện triển khai phương án giao quyền phân cấp khai thác cho các bộ phận sản xuất kinh doanh Công ty để tăng thêm khả năng khai thác doanh thu và lợi nhuận của từng bộ phận.
- Tổ chức sắp xếp lại các phòng nghiệp vụ cho phù hợp với quy mô phát triển của Công ty; xây dựng lực lượng đội ngũ cán bộ kỹ thuật công nhân chuyên nghiệp, đáp ứng nhu cầu cung cấp các sản phẩm dịch vụ tốt nhất và đồng thời tăng năng suất lao động.
- Tuyên truyền để người lao động có biện pháp an toàn trong phòng chống dịch Covid-19. Đảm bảo người lao động trên các lĩnh vực hoạt động không bị cách ly tại nhà và các trung tâm cách ly tập trung của Thành phố.
- Hoàn thành quyết toán lĩnh vực Dịch vụ công ích, đối chiếu công nợ, gia hạn thuế phải nộp hàng năm; đảm bảo kinh phí tổ chức triển khai tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Tiếp tục kiến nghị chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền vận động người dân, đặc biệt là các hộ dân sống ven sông, ven biển, thực hiện tốt việc bảo vệ môi trường, cảnh quan đô thị nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong nhân dân.
- Tiếp tục xây dựng, bổ sung, sửa đổi các quy chế nội bộ nhằm phục vụ công tác điều hành, quản lý được thống nhất, đạt hiệu quả cao.
- Chăm lo đời sống, đảm bảo tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động theo khuynh hướng năm sau cao hơn năm trước;



## GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Ý kiến của kiểm toán viên về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận:

- 1) Như trình bày tại điểm (\*) của Thuyết minh số 15, trong tổng chi phí phải trả của Công ty có 7.114.273.447 đồng là khoản trích trước chi phí xây lắp các công trình. Tính trung thực và hợp lý của khoản chi phí trích trước này còn tùy thuộc vào chứng từ gốc thanh toán thực tế sau này.
- 2) Công ty đã xây dựng kế hoạch tiền lương và thực hiện trích 39.082.765.267 đồng quỹ lương vào chi phí năm 2021. Tuy nhiên, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Hội đồng Quản trị của Công ty chưa phê duyệt quỹ lương này.
- 3) Ngày 30/07/2021, Kiểm toán nhà nước đã có Thông báo kết quả kiểm toán số 352/TB-KVXIII về báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty và đưa ra kiến nghị điều chỉnh các số liệu. Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu theo các kiến nghị này vào số phát sinh năm 2021 như sau:
  - Công ty ghi nhận tăng thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo kiến nghị là 3.059.227.322 đồng; Tuy nhiên, thay vì điều chỉnh hồi tố vào "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" các năm 2019, 2020 Công ty đã hạch toán giảm khoản mục "Phải trả người lao động" (xem Thuyết minh số 14 và thuyết minh số 32).
  - Thay vì điều chỉnh hồi tố để hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm 2020 (số tiền 1.196.000.000 đồng), Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng này trong năm 2021. Việc điều chỉnh các số liệu trọng yếu của các kỳ kế toán trước vào Báo cáo tài chính năm 2021 là chưa đúng quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".



Về vấn đề này, CTCP Môi trường & Dịch vụ Đô thị Bình Thuận giải trình như sau:

1) Khoản chi phí phải trả ngắn hạn liên quan đến các khoản trích trước giá vốn chi phí công trình của các năm trước, với số tiền trích trước lũy kế tính đến thời điểm 31/12/2021 là 7.114.273.447 đồng. Khoản trích trước này hiện tại chưa có hóa đơn, chứng từ đầy đủ làm cơ sở cho việc quyết toán nội bộ của Công ty, mặt khác các công trình XDCB được sử dụng nguồn vốn từ NSNN và chưa được các chủ đầu tư phê duyệt quyết toán, do đó Công ty chưa có cơ sở để thanh toán chi phí công trình cho các Đối.

2) Về Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021:

Theo quy định Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của Công ty sẽ được Sở Tài chính; Sở Lao động Thương binh và Xã hội thẩm định sau đó trình UBND Tỉnh thống nhất. Sau khi có ý kiến thống nhất của UBND tỉnh Bình Thuận, Hội đồng quản trị sẽ ban hành Quyết định phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 của người lao động và người quản lý Công ty.

Hiện nay Công ty đang hoàn tất hồ sơ gửi Sở Tài chính và Sở Lao động Thương binh và Xã hội đề nghị Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2021. Sau khi UBND Tỉnh có ý kiến thống nhất về Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 cho người lao động và người quản lý Công ty.

3) Theo thông báo kết quả kiểm toán số 352/TB-KVXIII ngày 30/07/2021 về báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty và đưa ra kiến nghị điều chỉnh các số liệu. Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu theo các kiến nghị này vào số phát sinh năm 2021 thay vì điều chỉnh hồi tố vào "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" các năm 2019, 2020.

Do năm 2019; 2020 Công ty đã nộp Báo cáo tài chính và Quyết toán thuế TNDN với Cục Thuế Tỉnh và phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020; 2021 do đó số tiền 3.059.227.322 đồng không có nguồn để thanh toán nộp ngân sách theo Quyết định số 1365/QĐ-XPVPHC ngày 18/10/2021 của Cục Thuế Tỉnh.

Như vậy để nộp thuế TNDN số tiền 3.059.227.322 đồng Công ty phải lấy từ quỹ tiền lương để thực hiện nộp thuế theo quy định.





## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Là một doanh nghiệp trong lĩnh vực môi trường đô thị, BMD luôn hiểu rõ tầm quan trọng của các vấn đề liên quan đến môi trường. Công tác bảo vệ môi trường không chỉ đơn thuần là hoạt động kinh doanh của công ty nhằm mang đến lợi nhuận, nó còn là ý thức của tập thể, là trách nhiệm của mỗi công nhân viên đối với môi trường, xã hội. Trong các cuộc họp, Ban Điều hành thường có những thảo luận liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, những đề xuất để tối ưu hóa công tác kinh doanh, sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước, năng lượng... Bên cạnh đó, Công ty còn tổ chức phân loại chất thải tại khu vực văn phòng để từng người lao động và người thân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở.

### Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nhân sự đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, BMD luôn tạo điều kiện tốt nhất cho CBCNV bằng cách tạo một môi trường làm việc khang trang, sạch đẹp để nhân viên thoải mái làm việc.

Bên cạnh đó Công ty còn tạo điều kiện để người lao động có cơ hội tham gia thi đua, sáng tạo trong công việc, phát huy sở trường của bản thân.

Hàng năm, BMD luôn cố gắng nâng cao mức thu nhập của người lao động, kiến tạo sự trung thành, gắn bó lâu dài và thu hút nhân tài.

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực môi trường, BMD luôn tự ý thức rằng mình phải có trách nhiệm đối với môi trường sống. Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và địa phương về bảo vệ môi trường. Bên cạnh mục tiêu lợi nhuận, BMD luôn quan tâm đến công tác cải thiện chất lượng dịch vụ, tiếp tục triển khai các chương trình về tiết kiệm năng lượng, phân loại rác tại văn phòng công ty.

Ngoài ra, BMD còn tích cực tổ chức đào tạo, hướng dẫn nâng cao nhận thức của toàn thể CBCNV về công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo nhân viên các bộ phận hiểu biết về chính sách, mục tiêu chất lượng – môi trường của Công ty và mục tiêu chất lượng của bộ phận.







## CHƯƠNG IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc
- Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



STT	Khoản mục	Đơn vị tính	TH 2020	KH 2021	TH 2021
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	96,94	85,65	87,88
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,38	5,54	6,59
3	Thu nhập bình quân lao động	Triệu/người/tháng	8,84	6,82	8,09

### Về hoạt động kinh doanh

Trước bối cảnh dịch Covid – 19 phức tạp, HĐQT đã thận trọng đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2021 khi các chỉ tiêu đều thấp hơn so với kết quả đạt được năm 2020. Sự thận trọng này là hợp lý khi các kết quả chỉ tiêu năm 2021 đều không bằng với năm trước. Đây là năm đầu tiên sau 5 năm, Công ty ghi nhận tăng trưởng âm. Tuy nhiên, so với kế hoạch đề ra, Công ty đã cố gắng hoàn thành khi các kết quả này đều vượt kế hoạch.

### Về công tác cán bộ, nhân viên

Công ty tiếp tục thực hiện chính sách chăm lo, nâng cao chất lượng cuộc sống cho tập thể nhân viên, người lao động, đảm bảo thu nhập cho người lao động, thu nhập bình quân đạt hơn 8.000.000 đồng/người/tháng và không có ai nhận thấp hơn 4.500.000 đồng/người/tháng. Xây dựng lực lượng nhân sự kế thừa tài năng, trình độ cao, sẵn sàng đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc gồm 3 thành viên đều có trình độ, năng lực, phẩm chất được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý.

Ban Giám đốc luôn theo sát hoạt động thường ngày của doanh nghiệp. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban Giám đốc thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển của Công ty.

Ban Giám đốc đã xây dựng các giải pháp kinh doanh nhằm phát triển Công ty ổn định, bền vững: các chế độ, quyền lợi của người lao động được thực hiện theo Bộ luật Lao động, Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc cũng thực hiện tốt nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

Nhìn chung trong năm 2021, Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị ban hành, phù hợp với Công ty và pháp luật, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.





- Duy trì và phát triển hoạt động dịch vụ vệ sinh, dịch vụ cây xanh công viên, hoạt động duy tu điện chiếu sáng công cộng và tín hiệu giao thông, đồng thời mở rộng địa bàn phục vụ ra các khu vực lân cận, song song với đó tăng cường việc nhận thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị để tăng doanh thu, tạo việc làm cho công nhân và nâng cao uy tín của Công ty với các đối tác.
- Cải thiện website, hình ảnh Công ty trên phương diện online. Tiếp tục duy trì việc tiết giảm chi phí, cải thiện biên lợi nhuận.
- Nghiên cứu áp dụng quá trình chuyển đổi số vào mô hình quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý và từng bước đổi mới mô hình doanh nghiệp ngày càng hiện đại.
- Giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có, tránh rơi vào tình trạng suy giảm năng lực cạnh tranh, thu hẹp thị phần. Thực hiện nghiêm chỉnh các kế hoạch kinh doanh 2022 đã đề ra.
- Tổng hợp và phân tích hiệu quả hoạt động SXKD trên các lĩnh vực cho hoạt động, điều chỉnh định mức, phân bổ lại các khoản mục chi phí, xây dựng định mức nội bộ thuộc bộ phận rác hẻm (lỗ), rà soát tiêu hao nguyên nhiên vật liệu đầy đủ, kịp thời phục vụ cho hoạt động sản xuất, tăng cường công tác quản lý, theo dõi xuất nhập vật tư, tài sản Công ty để phòng chống các hiện tượng tiêu cực xảy ra.
- Tập trung sửa chữa thiết bị, cải tiến công nghệ để phục vụ công tác thu gom và vận chuyển rác.
- Chuẩn bị năng lực về kỹ thuật và tài chính trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp để tham gia gói thầu. Quyết tâm đấu thầu thành công các gói thầu do chủ đầu tư mời thầu, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

- Phát động phong trào thi đua thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ SXKD trên các lĩnh vực hoạt động, đề ra những giải pháp cụ thể để thực hiện. Tích cực mở rộng khai thác tìm kiếm các công trình XDDB, củng cố năng lực, tham gia đấu thầu và khai thác các dịch vụ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận cho đơn vị.
- Làm tốt công tác giáo dục tư tưởng trong đội ngũ đảng viên, nhân viên, người lao động. Duy trì việc đối thoại trực tiếp với người lao động để nắm bắt tâm tư nguyện vọng, để chỉ đạo điều hành đạt hiệu quả cao.
- Củng cố, kiện toàn nhân sự các phòng nghiệp vụ và Đội sản xuất. Kiên quyết xử lý hành vi vi phạm nội quy lao động. Nâng cao trách nhiệm của bộ phận lao động gián tiếp, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Tiếp tục thực hiện phương án khoán Quỹ tiền lương cho bộ phận Quét rác đường phố, thu gom rác trong lòng chợ, đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động tại các bộ phận.
- Tiếp tục thực hiện hoàn thiện tính pháp lý diện tích sử dụng đất vườn ươm, nhà để xe Công ty tại thôn Tiến Bình xã Tiến Thành.
- Quyết tâm đấu thầu thành công các gói thầu chăm sóc công viên cây xanh, duy tu điện chiếu sáng công lộ và tín hiệu giao thông; vệ sinh môi trường trong năm 2022 để ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động.





## CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao, lương thưởng







## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu		Tỷ lệ sở hữu	
			Cá nhân	Đại diện (*)	Cá nhân	Đại diện (*)
1	Mai Hữu Việt	Chủ tịch HĐQT không điều hành	2.500	522.286	0,09%	18,97%
2	Lê Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT – Giám đốc	33.000	468.057	1,20%	17,00%
3	Trà Thị Thành	Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc	59.700	468.057	2,17%	17,00%
4	Nguyễn Thanh Phương	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng	400	-	0,01%	-
5	Lê Quang Huy	Thành viên HĐQT không điều hành	434.271	-	15,57%	-

(\*): Số cổ phần đại diện trên là của UBND tỉnh Bình Thuận. Tổng lượng cổ phần sở hữu của UBND tỉnh Bình Thuận tại Công ty là 1.458.400 cổ phần, tương đương 52,97% Vốn.



### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc, Trưởng các Phòng, Đội về thực hiện các quy định về quản trị Công ty và trong điều hành hoạt động SXKD.

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 5 phiên họp:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Mai Hữu Việt	5/5	100%	
2	Bà Lê Thị Thanh Thủy	5/5	100%	
3	Bà Trà Thị Thành	5/5	100%	
4	Ông Nguyễn Thanh Phương	3/5	60%	Mới được bầu ngày 30/06/2021
5	Ông Lê Quang Huy	5/5	100%	





## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/QĐ- HĐQT	28/ 01/ 2021	Xếp loại thi đua, khen thưởng năm 2020.	100%
02	02/QĐ- HĐQT	13/ 04/ 2021	Điều chỉnh, bổ sung điều 1, quyết định số 145/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2019 về việc ban hành hệ thống thang bảng lương, phụ cấp lương	100%
03	03/QĐ- HĐQT	16/ 04/ 2021	Trích lập quỹ dự phòng tiền lương năm 2020.	100%
04	04/QĐ- HĐQT	26/ 04/ 2021	Bổ nhiệm Ô Nguyễn Thanh Phương giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty.	100%
05	05/QĐ- HĐQT	19/ 05/ 2021	Thành lập BCĐ phòng chống dịch Covid-19.	100%
06	06/QĐ- HĐQT	31/ 05/ 2021	Thành lập BTC ĐHCĐ năm 2021.	100%
07	07/QĐ- HĐQT	04/ 06/ 2021	Thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông ĐHCĐ năm 2021.	100%
08	08/QĐ- HĐQT	21/ 10/ 2021	Phê duyệt kết quả sử dụng lao động, quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020 của người lao động và người quản lý.	100%
09	09/QĐ- HĐQT	25/ 10/ 2021	Bổ nhiệm ông Đinh Hồng Hà phó giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.	100%
10	10/QĐ- HĐQT	25/ 10/ 2021	Bổ nhiệm bà Trà Thị Thành phó giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.	100%
11	11/QĐ- HĐQT	25/ 10/ 2021	Bổ nhiệm bà Lê Thị Thanh Thủy giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.	100%
12	12/QĐ- HĐQT	14/ 12/ 2021	Phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động, quỹ tiền lương, thù lao năm 2021 của người lao động và người quản lý.	100%
13	13/QĐ- HĐQT	22/ 12/ 2021	Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty.	100%
14	01/NQ- ĐHCĐ	30/ 06/ 2021	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.	100%
15	02/NQ- ĐHCĐ	19/ 10/ 2021	NQ thống nhất chức danh giám đốc và phó giám đốc Cty nhiệm kỳ 2021-2026; Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.	100%

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có

### DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có





## BAN KIỂM SOÁT

### DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

Tại ngày 05/08/2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Giác	Trưởng ban kiểm soát	4.400	0,16%
2	Bùi Thị Kim Phụng	Thành viên BKS	6.100	0,22%
3	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Thành viên BKS		

### HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên BKS kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính hàng quý, việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết HĐQT, Hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, chính sách cho người lao động và các vấn đề liên quan.

Năm 2021, Ban Kiểm Soát tổ chức 4 cuộc họp:

STT	Thành viên	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Giác	04/04	100%	
2	Bà Bùi Thị Kim Phụng	04/04	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc	02/04	50%	Mới bổ nhiệm ngày 30/06/2021
4	Bà Võ Thị Thanh Hương	02/04	50%	Miễn nhiệm ngày 30/06/2021



### HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

#### Kết quả giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 05 cuộc họp định kỳ, ban hành 13 Quyết định; 02 Nghị quyết. Các quyết định của HĐQT phù hợp với quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với tình hình thực tế của Doanh nghiệp. Trình tự, thủ tục các cuộc họp, việc thông qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT; việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

HĐQT và Ban giám đốc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Điều lệ và Nghị quyết đã ban hành; trong chỉ đạo HĐQT đã kịp thời đưa ra các chủ trương, định hướng cũng như cho ý kiến xử lý các vướng mắc trong quá trình điều hành để Ban Giám đốc triển khai thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết. Đại hội đồng cổ đông, đồng thời theo dõi đơn đốc Ban giám đốc thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu do Nghị quyết HĐQT đề ra.

HĐQT Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của Ban Giám đốc, kịp thời đưa ra các định hướng và chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD, công tác thu hồi công nợ được đốc thúc thường xuyên để đẩy nhanh tiến độ. Tích cực phối hợp chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh nhằm ứng phó với đại dịch Covid -19 trên toàn cầu và những biến động của thị trường; thực hiện kê khai thuế, nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định; đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động cũng như quyền lợi của cổ đông.

#### Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban Kiểm soát thường xuyên nhận được sự phối hợp từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, đội trực thuộc Công ty và được cung cấp kịp thời các thông tin, báo cáo, tài liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; tình hình hoạt động tài chính của Công ty phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cuộc họp giao ban của Ban Giám đốc, tham gia ý kiến đóng góp xây dựng công tác tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, kế hoạch phát triển của Công ty nhằm điều chỉnh kịp thời những rủi ro để đảm bảo cho hoạt động SXKD mang lại hiệu quả; đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

Phối hợp thực hiện công tác kiểm soát đảm bảo minh bạch, trung thực và đưa ra kiến nghị cảnh báo cho HĐQT và Ban Giám đốc thực hiện công tác quản lý hiệu quả, minh bạch nhằm hạn chế rủi ro, tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Quá trình kiểm tra giám sát Ban kiểm soát có thông báo đến HĐQT, Ban Giám đốc về những tồn tại để kịp thời chỉ đạo thực hiện.



## BAN KIỂM SOÁT

### HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

#### Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2022 như sau

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Kiểm tra tính hợp pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021; kiểm soát tình hình hoạt động kinh doanh, công tác quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc và lập Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.
- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2022 đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhập chứng từ, sổ sách kế toán.
- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022; các hợp đồng kinh tế; việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, biện pháp tiết kiệm chi phí.
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn, tài sản, quản lý nợ và thu hồi công nợ, phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ; công tác tiền lương, tiền thưởng và các vấn đề liên quan đến người lao động.
- Tiếp tục rà soát các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty để hoàn thiện hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty; các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng điều lệ Công ty và pháp luật.
- Thực hiện các công việc khác quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO & CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC & BAN KIỂM SOÁT

### LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020
1	Ông Mai Hữu Việt	Chủ tịch HĐQT	Lương	543.511.603	550.957.400
			Thù lao	-	18.000.000
2	Bà Lê Thị Thanh Thủy	Giám đốc	Lương	519.120.000	483.056.000
		Thành viên HĐQT	Thù lao	43.200.000	43.200.000
3	Ông Đinh Hồng Hà	Phó Giám đốc	Lương	444.960.000	459.648.000
4	Bà Trà Thị Thành	Phó Giám đốc	Lương	444.960.000	459.648.000
		Thành viên HĐQT	Thù lao	43.200.000	43.200.000
5	Ông Lê Quang Huy	Thành viên HĐQT	Thù lao	43.200.000	43.200.000
6	Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên HĐQT	Thù lao	21.600.000	-

### GIAO DỊCH CÓ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

### HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

### ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất, theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.





## CHƯƠNG VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021





**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG  
VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN**

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN**  
578 Trần Hưng Đạo, P. Đức Long, TP. Phan Thiết, T. Bình Thuận

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**MỤC LỤC**

**Trang**

Báo cáo của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	7 - 8
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Phan Thiết theo Quyết định số 2377/QĐ – UBND ngày 27/11/2012 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 ngày 29/04/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 28/05/2020.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại sàn UPCOM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch chứng khoán BMD theo Quyết định số 415/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 06/06/2017.

Vốn điều lệ: 27.532.800.000 đồng.  
Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2021: 27.532.800.000 đồng.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: (+84) 2523.819572

### Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Trồng hoa, cây cảnh, chăm sóc công viên và cây xanh công cộng);
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xây dựng nhà để ô tô;
- Xây dựng nhà không để ô tô;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Ươm giống cây lâm nghiệp);

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (Thi công lắp đặt hệ thống điện trung - hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Trang trí nội, ngoại thất công trình);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Tái chế phế liệu;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

### Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2021 là 416 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 6 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                  |            |                              |
|------------------|------------|------------------------------|
| Ông Mai Hữu Việt | Chủ tịch   | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2021 |
| Bà Trà Thị Thành | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2021 |

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- |                           |            |                              |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Thị Thanh Thủy    | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2021 |
| • Ông Lê Quang Huy        | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2021 |
| • Ông Nguyễn Thanh Phương | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2021     |

### Ban kiểm soát

- |                           |            |                              |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Nguyễn Thị Giác      | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2021 |
| • Bà Bùi Thị Kim Phượng   | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2021 |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 30/06/2021     |
| • Bà Võ Thị Thanh Hương   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18/12/2018     |
|                           |            | Miễn nhiệm ngày 30/06/2021   |

### Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                           |                |                          |
|---------------------------|----------------|--------------------------|
| • Bà Lê Thị Thanh Thủy    | Giám đốc       | Bổ nhiệm ngày 20/05/2020 |
| • Ông Đinh Hồng Hà        | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 15/08/2018 |
| • Bà Trà Thị Thành        | Phó Giám đốc   | Bổ nhiệm ngày 06/05/2016 |
| • Ông Nguyễn Thanh Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 26/04/2021 |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lõ 78 – 80 Đường 30 Tháng 4, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dong.vn.vn).

### Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Mai Hữu Việt

Bình Thuận, ngày 30 tháng 03 năm 2022





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 555 886; Fax: +84 (236) 3 655 857; Email: aac@dong.vn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 552/2022/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 27/03/2022 của Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 7 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng, các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như trình bày tại điểm (\*) của Thuyết minh số 15, trong tổng chi phí phải trả của Công ty có 7.114.273.447 đồng là khoản trích trước chi phí xây lắp các công trình. Tính trung thực và hợp lý của khoản chi phí trích trước này còn tùy thuộc vào chứng từ gốc thanh toán thực tế sau này.
- Công ty đã xây dựng kế hoạch tiền lương và thực hiện trích 39.082.765.267 đồng quỹ lương vào chi phí năm 2021. Tuy nhiên, cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Hội đồng Quản trị của Công ty chưa phê duyệt quỹ lương này.

3. Ngày 30/07/2021, Kiểm toán nhà nước đã có Thông báo kết quả kiểm toán số 352/TB-KVXIII về báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty và đưa ra kiến nghị điều chỉnh các số liệu. Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu theo các kiến nghị này vào sổ phát sinh năm 2021 như sau:

- Công ty ghi nhận tăng thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo kiến nghị là 3.059.227.322 đồng; Tuy nhiên, thay vì điều chỉnh hồi tố vào "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành" các năm 2019, 2020 Công ty đã hạch toán giảm khoản mục "Phải trả người lao động" (xem Thuyết minh số 14 và thuyết minh số 32).
- Thay vì điều chỉnh hồi tố để hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm 2020 (số tiền 1.196.000.000 đồng), Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng này trong năm 2021.

Việc điều chỉnh các số liệu trọng yếu của các kỳ kế toán trước vào Báo cáo tài chính năm 2021 là chưa đúng quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

#### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
**CÔNG TY T.N.H.H**  
**Kiểm toán và Kế toán AAC**  
**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**  
**Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1**  
**Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2022**

**Đỗ Thị Phương Thủy – Kiểm toán viên**  
**Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2019-010-1**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>74.605.826.847</b>	<b>84.158.682.314</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>26.017.883.967</b>	<b>39.898.122.339</b>
1. Tiền	111		26.017.883.967	28.877.410.010
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	11.020.712.329
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>3.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	3.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.003.277.160</b>	<b>40.155.577.363</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	39.433.250.734	31.615.246.412
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	7.675.231.022	9.841.535.547
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	137	8	(105.204.596)	(1.301.204.596)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>1.584.665.720</b>	<b>1.104.982.612</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.584.665.720	1.104.982.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.070.745.090</b>	<b>12.974.518.917</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10.798.102.428</b>	<b>12.842.812.591</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.798.102.428	12.842.812.591
- Nguyên giá	222		34.815.108.167	34.860.792.167
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.017.005.739)	(22.017.979.576)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>272.642.662</b>	<b>131.706.326</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	272.642.662	131.706.326
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85.676.571.937</b>	<b>97.133.201.231</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>48.561.035.097</b>	<b>60.138.237.857</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>46.761.035.097</b>	<b>57.098.237.857</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	3.918.178.539	2.788.637.163
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		386.483.557	86.622.294
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	6.252.537.008	5.788.281.947
4. Phải trả người lao động	314	14	21.187.271.157	31.812.057.915
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	9.203.476.909	13.309.668.650
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	448.581.944	306.953.111
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17.a	1.240.000.000	2.060.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.124.515.983	946.016.777
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.800.000.000</b>	<b>3.040.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17.b	1.800.000.000	3.040.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>37.115.536.840</b>	<b>36.994.963.374</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>37.115.536.840</b>	<b>36.994.963.374</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	27.532.800.000	27.532.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		27.532.800.000	27.532.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.090.828.568	2.078.386.226
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	18	6.491.908.272	7.383.777.148
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	18	-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	18	6.491.908.272	7.383.777.148
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>85.676.571.937</b>	<b>97.133.201.231</b>



Nguyễn Thanh Thủy

Bình Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Nguyễn Thanh Phương

Người lập biểu

*(Signature)*

Phạm Xuân Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	19	87.880.062.103	96.940.438.982
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		87.880.062.103	96.940.438.982
4. Giá vốn hàng bán	11	20	68.926.726.208	74.738.596.137
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		18.953.335.895	22.201.842.845
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	303.829.489	517.300.340
7. Chi phí tài chính	22	22	102.653.560	215.114.374
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		102.653.560	128.814.697
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	10.689.061.330	13.737.719.305
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.465.450.494	8.766.309.506
11. Thu nhập khác	31	24	170.133.280	2.768.000
12. Chi phí khác	32	25	932.733.774	153.877.506
13. Lợi nhuận khác	40		(762.600.494)	(151.109.506)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	26	7.702.850.000	8.615.200.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.210.941.728	1.231.422.852
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.491.908.272	7.383.777.148
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.547	1.388
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	27	1.547	1.388



Bình Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phương

Người lập biểu

Phạm Xuân Hưng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		80.361.919.044	89.415.223.102
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(32.328.666.362)	(30.044.112.981)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(47.428.153.006)	(43.858.224.295)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	15,22	(105.450.460)	(124.609.828)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	13	(1.972.008.852)	(1.656.481.155)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		7.591.553.312	8.862.463.162
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(18.519.283.060)	(21.552.860.073)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(12.400.089.584)</b>	<b>1.041.391.132</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(4.434.545.455)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(3.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7,21	388.196.612	440.330.477
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.388.196.612</b>	<b>(7.014.214.978)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	4.900.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	17a,b	(2.060.000.000)	(1.580.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	18	(2.808.345.600)	(2.753.280.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4.868.345.600)</b>	<b>566.720.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(13.880.238.572)</b>	<b>(5.406.103.846)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	39.898.122.339	45.304.226.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quĩ đối ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>26.017.883.967</b>	<b>39.898.122.339</b>



Kế toán trưởng

Bình Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phương

Người lập biểu

Phạm Xuân Hưng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 99 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**1. Đặc điểm hoạt động****1.1. Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Môi trường và Dịch vụ Đô thị Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Phan Thiết theo Quyết định số 2377/QĐ - UBND ngày 27/11/2012 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3400861721 ngày 29/04/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 28/05/2020.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:** Xử lý ô nhiễm, hoạt động quản lý chất thải khác, thu gom, xử lý rác thải, nước thải và chăm sóc công viên, cây xanh công cộng.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh (Trồng hoa, cây cảnh, chăm sóc công viên và cây xanh công cộng);
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng (Ươm giống cây lâm nghiệp);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (Thi công lắp đặt hệ thống điện trung - hạ thế, trạm biến áp, điện chiếu sáng, tín hiệu giao thông);
- Hoàn thiện công trình xây dựng (Trang trí nội, ngoại thất công trình);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
- Tái chế phế liệu;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị.

**2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

**3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Cụ thể, khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có thể không thu hồi được khoản đầu tư này thì xử lý như sau:

- Nếu giá trị tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.
- Nếu giá trị tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì thuyết minh rõ trên báo cáo tài chính về khả năng thu hồi và không ghi giảm khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

### 4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	7
Phương tiện vận tải	7 – 10

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại vì theo nguyên tắc.

### 4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các điều ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó đang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông góp vốn theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cần nhắc đến các khoản mục phí tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu hợp đồng xây dựng
  - Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành;
  - Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí của hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ được khách hàng xác nhận.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.13 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### 4.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### 4.15 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.16. Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.17. Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
  - ✓ Dịch vụ chăm sóc cây xanh đường phố, dịch vụ chiếu sáng công cộng, tín hiệu giao thông ... (thuộc mảng dịch vụ công ích): không chịu thuế;
  - ✓ Bán cây xanh: Áp dụng thuế suất 5%
  - ✓ Dịch vụ vệ sinh thuộc mảng dịch vụ công ích, dịch vụ xây dựng công trình; dịch vụ trang trí công trình, các dịch vụ ngoài công ích khác: Áp dụng thuế suất 10%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%. Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2021 theo hướng dẫn tại Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ do có tổng doanh thu trong kỳ không quá 200 tỷ và doanh thu năm 2021 giảm so với doanh thu năm 2019.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	168.846.691	112.701.860
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.849.037.276	28.764.708.150
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	11.020.712.329
<b>Cộng</b>	<b>26.017.883.967</b>	<b>39.898.122.339</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Phòng Tài chính kế hoạch Thành phố Phan Thiết	35.679.782.967	27.993.358.645
Các đối tượng khác	3.753.467.767	3.621.887.767
<b>Cộng</b>	<b>39.433.250.734</b>	<b>31.615.246.412</b>

### 7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	6.701.876.549	-	7.879.526.822	-
Lại dự thu	-	-	84.367.123	-
Phải thu khác	973.354.673	-	1.877.641.602	-
<b>Cộng</b>	<b>7.675.231.022</b>	<b>-</b>	<b>9.841.535.547</b>	<b>-</b>

### 8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn cho khoản phải thu về thi công 03 công trình cho xã Hàm Cường (*)	105.204.596	1.301.204.596
- Từ 3 năm trở lên	105.204.596	1.301.204.596
<b>Cộng</b>	<b>105.204.596</b>	<b>1.301.204.596</b>

(\*) Đây là khoản nợ phải thu phát sinh năm 2013 liên quan đến 03 công trình tại xã Hàm Cường (đường tiệm net Phú Quý, đường nhà ông Hoàng Ngọc Đạo và tuyến Km 18 Đức Khái). Căn cứ các Quyết định phê duyệt quyết toán công trình và các chứng từ chuyển tiền thì đến nay UBND xã Hàm Cường còn nợ Công ty số tiền 1.301.204.596 đồng.

Về phía UBND xã Hàm Cường báo cáo rằng: trong năm 2013 ông Nguyễn Thành Nhiên (Đội trưởng đội xây lắp 3 của Công ty) đã nhận tiền mặt từ Ban Giám sát và Đại diện hộ dân (công trình có nguồn vốn do dân đóng góp) với tổng số tiền 1.196.000.000 đồng.

Để thu hồi khoản nợ nêu trên, Công ty đã nhiều lần làm việc với các bên liên quan (Công ty, UBND xã Hàm Cường và ông Nhiên). Tại các cuộc họp, UBND xã Hàm Cường đề nghị ông Nhiên nộp số tiền trên về UBND xã Hàm Cường để UBND xã Hàm Cường thanh toán cho Công ty theo đúng thủ tục quy định về đầu tư XDCB. Tuy nhiên, 07 năm sau, Công ty vẫn không thu hồi được nợ. Năm 2020, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% đối với khoản nợ trên theo đúng quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp (áp dụng đối với trường hợp nợ phải thu quá thời hạn thanh toán trên 03 năm)

Ngày 30/7/2021, Đoàn Kiểm toán Nhà nước (KTNN) đã kiểm toán tại Công ty và có Thông báo kết quả kiểm toán 352/TB-KV XIII yêu cầu điều chỉnh Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi 1.196.000.000 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh số liệu để tuân thủ yêu cầu của KTNN.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ngày 29/12/2021, các bên có biên bản làm việc (Công ty và UBND xã Hàm Cường tham dự, riêng ông Nhiên vắng mặt). Theo đó, Công ty đề nghị UBND xã Hàm Cường xác nhận khoản nợ 1.301.204.596 đồng nhưng UBND xã không đồng ý xác nhận với lý do:

- Ông Nhiên đã nhận trực tiếp tiền mặt 1.196.000.000 đồng
- Số tiền còn lại 105.204.596 đồng là số tiền nhân dân còn nợ không có khả năng chi trả
- UBND xã đã nhiều lần liên hệ với ông Nhiên nhưng không được

### b. Nợ xấu

	31/12/2021			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng UBND xã Hàm Cường	105.204.596	-	Trên 3 năm	Nợ quá hạn, khách hàng không chịu thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>105.204.596</b>	<b>-</b>		

	01/01/2021			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Phải thu khách hàng UBND xã Hàm Cường	1.301.204.596	-	Trên 3 năm	Nợ quá hạn, khách hàng không chịu thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>1.301.204.596</b>	<b>-</b>		

### 9. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.564.892.993	-	1.073.618.975	-
Công cụ, dụng cụ	19.772.727	-	31.363.637	-
<b>Cộng</b>	<b>1.584.665.720</b>	<b>-</b>	<b>1.104.982.612</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2021.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2021.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	6.444.791.281	111.900.000	28.304.100.886	34.860.792.167
Mua sắm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	45.684.000	-	-	45.684.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.399.107.281</b>	<b>111.900.000</b>	<b>28.304.100.886</b>	<b>34.815.108.167</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu kỳ	4.972.055.590	54.492.855	16.991.431.131	22.017.979.576
Khấu hao trong kỳ	379.574.900	14.323.809	1.650.811.454	2.044.710.163
Thanh lý, nhượng bán	45.684.000	-	-	45.684.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.305.946.490</b>	<b>68.816.664</b>	<b>18.642.242.585</b>	<b>24.017.005.739</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	1.472.735.691	57.407.145	11.312.669.755	12.842.812.591
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.093.160.791</b>	<b>43.083.336</b>	<b>9.661.858.301</b>	<b>10.798.102.428</b>

- Không có TSCĐ hữu hình đem đi thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 13.934.001.178 đồng.

### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	272.642.662	131.706.326
<b>Cộng</b>	<b>272.642.662</b>	<b>131.706.326</b>

### 12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Nam Phát	669.611.712	-
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Thành Công	421.669.800	-
Nguyễn Văn Hùng (Gara xe Văn Hùng)	710.250.000	399.453.500
Các đối tượng khác	2.116.647.027	2.389.183.663
<b>Cộng</b>	<b>3.918.178.539</b>	<b>2.788.637.163</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	4.440.624.943	4.011.658.819	6.759.982.831	1.692.300.931
Thuế thu nhập doanh nghiệp	943.752.761	4.270.169.050	1.972.008.852	3.241.912.959
Thuế thu nhập cá nhân	39.038.465	311.956.815	237.449.444	113.545.836
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	352.212.000	352.212.000	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	364.865.778	903.576.392	63.674.888	1.204.767.282
<b>Cộng</b>	<b>5.788.281.947</b>	<b>9.852.573.076</b>	<b>9.388.328.015</b>	<b>6.252.527.008</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế.

14. Phải trả người lao động

	Số đầu kỳ	Quý tiền lương năm 2021	Quý lương đã chi trả/ hoàn nhập	Điều chỉnh theo biến hóa KTNV (%)	Số cuối kỳ
Phải trả người lao động	31.812.057.915	49.447.934.378	57.013.493.814	(3.059.227.322)	21.187.271.157
Trong đó:					-
- <i>Quý lương theo kế hoạch</i>	24.673.240.281	39.082.765.267	45.793.627.748	(3.059.227.322)	14.903.150.478
- <i>Quý lương dự phòng 2020</i>	6.773.578.057	-	6.773.578.057	-	-
- <i>Quý lương dự phòng 2021</i>	-	5.922.860.138	-	-	5.922.860.138
- <i>Các khoản theo lương</i>	363.239.577	4.442.308.973	4.444.288.009	-	361.260.541
<b>Cộng</b>	<b>31.812.057.915</b>	<b>49.447.934.378</b>	<b>57.013.493.814</b>	<b>(3.059.227.322)</b>	<b>21.187.271.157</b>

(\*) Theo kết luận kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước, thuế TNDN phải nộp năm 2019 và 2020 tại Công ty tăng thêm 3.059.227.322 đồng do Công ty chưa chi phần lương còn nợ (từ năm 2019 trở về trước) cho người lao động trước thời điểm quyết toán thuế. Công ty tạm hạch toán điều chỉnh giảm quỹ lương tương ứng với tiền thuế bị truy thu trong thời gian chờ giải quyết kiến nghị từ các cơ quan có thẩm quyền (xem thuyết minh 32)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Trích trước chi phí công trình (*)	7.114.273.447	10.499.540.433
Trích trước chi phí lãi vay	3.464.767	6.261.667
Các khoản trích trước khác	2.085.738.695	2.803.866.550
<b>Cộng</b>	<b>9.203.476.909</b>	<b>13.309.668.650</b>

(\*) Các khoản trích trước chi phí công trình phát sinh từ nhiều năm trước nhưng chưa được hoàn chứng từ. Các công trình này chủ yếu từ nguồn vốn nhà nước đầu tư, hiện nay đang được các chủ đầu tư lập thủ tục quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Kinh phí công đoàn	124.646.809	121.576.359
Phải trả khác	323.935.135	185.376.752
<b>Cộng</b>	<b>448.581.944</b>	<b>306.953.111</b>

17. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn đến hạn trả	2.060.000.000	1.240.000.000	2.060.000.000	1.240.000.000
- <i>Quý Bảo vệ môi trường</i>	2.060.000.000	1.240.000.000	2.060.000.000	1.240.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.060.000.000</b>	<b>1.240.000.000</b>	<b>2.060.000.000</b>	<b>1.240.000.000</b>

b. Dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	5.100.000.000	-	2.060.000.000	3.040.000.000
- <i>Quý Bảo vệ môi trường</i>	5.100.000.000	-	2.060.000.000	3.040.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.060.000.000</b>	<b>3.040.000.000</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	2.060.000.000			1.240.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>3.040.000.000</b>			<b>1.800.000.000</b>

Vay Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 09-19/TDĐT-QMT/BT ngày 06/12/2019 để đầu tư mua xe vận chuyển chuyên dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, tổng mức vay là 4.900.000.000 đồng được đảm bảo bằng bảo lãnh của ngân hàng; thời hạn vay là 4 năm kể từ ngày nhận khoản vay đầu tiên; lãi suất vay là 2,6%/năm cố định trong thời gian vay.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	27.532.800.000	595.389.453	5.836.098.137	33.964.287.590
Tăng trong kỳ	-	1.482.996.773	7.383.777.148	8.866.773.921
Giảm trong kỳ	-	-	5.836.098.137	5.836.098.137
Số dư tại 31/12/2020	27.532.800.000	2.078.386.226	7.383.777.148	36.994.963.374
Số dư tại 01/01/2021	27.532.800.000	2.078.386.226	7.383.777.148	36.994.963.374
Tăng trong kỳ	-	1.012.442.342	6.491.908.272	7.504.350.614
Giảm trong kỳ	-	-	7.383.777.148	7.383.777.148
Số dư tại 31/12/2021	27.532.800.000	3.090.828.568	6.491.908.272	37.115.536.840

#### b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Năm 2021	Năm 2020
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	27.532.800.000	27.532.800.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	27.532.800.000	27.532.800.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	2.808.345.600	2.753.280.000

#### c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu phổ thông	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu phổ thông	2.753.280	2.753.280
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	7.383.777.148	5.836.098.137
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	6.491.908.272	7.383.777.148
Phân phối lợi nhuận	7.383.777.148	5.836.098.137
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	7.383.777.148	5.836.098.137
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	1.012.442.342	1.482.996.773
+ Trích quỹ khen thưởng, ban quản lý	237.858.385	125.480.000
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.325.130.821	1.050.500.000
+ Trả cổ tức	2.808.345.600	2.753.280.000
+ Các khoản khác	-	423.841.364
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>6.491.908.272</b>	<b>7.383.777.148</b>

Công ty thực hiện phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-DHĐCĐ ngày 30/06/2021.

#### e. Cổ tức

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 30/06/2021 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền với tỷ lệ 10,2% vốn điều lệ, tương ứng 2.808.345.600 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức trên trong năm 2021.

### 19. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu dịch vụ công ích	80.592.955.080	88.154.645.794
Doanh thu hợp đồng duy tu bảo dưỡng	6.007.781.173	5.623.313.269
Doanh thu khác	1.279.325.850	3.162.479.919
<b>Cộng</b>	<b>87.880.062.103</b>	<b>96.940.438.982</b>

### 20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn dịch vụ công ích	65.331.100.052	68.362.811.902
Giá vốn hoạt động duy tu bảo dưỡng	4.043.434.783	4.256.183.846
Giá vốn khác	(447.808.627)	2.119.600.389
<b>Cộng</b>	<b>68.926.726.208</b>	<b>74.738.596.137</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi ngân hàng	303.829.489	517.300.340
<b>Cộng</b>	<b>303.829.489</b>	<b>517.300.340</b>

### 22. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	102.653.560	128.814.607
Phí bảo lãnh khoản vay	-	86.299.767
<b>Cộng</b>	<b>102.653.560</b>	<b>215.114.374</b>

### 23. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân công	7.466.887.866	7.950.064.247
Chi phí khấu hao tài sản cố định	393.898.709	426.998.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.566.147.164	2.312.220.817
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.196.000.000)	1.301.204.596
Các khoản khác	1.458.127.591	1.747.230.975
<b>Cộng</b>	<b>10.689.061.330</b>	<b>13.737.719.305</b>

### 24. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Thu tiền nợ đã xử lý	170.133.280	2.768.000
<b>Cộng</b>	<b>170.133.280</b>	<b>2.768.000</b>

### 25. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Các khoản phạt, chậm nộp	903.533.774	137.477.506
Các khoản khác	29.200.000	16.400.000
<b>Cộng</b>	<b>932.733.774</b>	<b>153.877.506</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.702.850.000	8.615.200.000
<b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>946.733.774</b>	<b>180.677.506</b>
- Điều chỉnh tăng	946.733.774	180.677.506
+ Tiền phạt chậm nộp thuế GTGT, nộp phạt hải quan	903.533.774	137.477.506
+ Các khoản chi phí khác không được trừ	43.200.000	43.200.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	8.649.583.774	8.795.877.506
Chi phí thuế TNDN	1.729.916.755	1.759.175.502
Thuế TNDN được giảm 30%	518.975.027	527.752.650
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.210.941.728</b>	<b>1.231.422.852</b>

### 27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.491.908.272	7.383.777.148
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(2.232.150.000)	(3.562.989.206)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	2.232.150.000	3.562.989.206
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.259.758.272	3.820.787.942
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	2.753.280	2.753.280
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.547</b>	<b>1.388</b>

Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu năm 2020 được trình bày lại do thay đổi số liệu các khoản giảm trừ lợi nhuận sau thuế (trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) theo phê duyệt của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

### 28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.292.866.927	5.913.945.414
Chi phí nhân công	55.035.788.871	59.565.223.191
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.044.710.163	2.077.810.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.409.600.678	19.059.722.779
Chi phí khác bằng tiền	2.028.820.899	558.409.337
<b>Cộng</b>	<b>80.811.787.538</b>	<b>87.175.110.846</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là thực hiện các dịch vụ công ích (thu gom, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải, chăm sóc và duy trì cảnh quan) và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

### 30. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Như trình bày tại thuyết minh số 18, Công ty thực hiện vay vốn dài hạn của Quỹ Bảo vệ Môi trường với lãi suất thấp, cố định là 2,6%/năm. Do đó, Công ty không có rủi ro trọng yếu về biến đổi lãi suất ngoài dự tính.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý và tiêu hủy chất thải, do đó sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá của các yếu tố đầu vào phục vụ cho hoạt động kinh doanh trên. Tuy nhiên, giá cả của các loại nguyên liệu đầu vào này thường ít biến động và ít tồn kho nên Công ty cho rằng rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở mức thấp.

#### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các đơn vị sử dụng nguồn từ Ngân sách Nhà nước. Với đặc thù giao dịch thường xuyên trong nhiều năm, thanh toán gối đầu, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho rằng, Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	3.918.178.539	-	3.918.178.539
Chi phí phải trả	2.149.410.828	-	2.149.410.828
Vay và nợ thuê tài chính	1.240.000.000	1.800.000.000	3.040.000.000
Phải trả khác	323.935.135	-	323.935.135
<b>Cộng</b>	<b>7.631.524.502</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>9.431.524.502</b>

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.788.637.163	-	2.788.637.163
Chi phí phải trả	4.044.880.846	-	4.044.880.846
Vay và nợ thuê tài chính	2.060.000.000	3.040.000.000	5.100.000.000
Phải trả khác	185.376.752	-	185.376.752
<b>Cộng</b>	<b>9.078.894.761</b>	<b>3.040.000.000</b>	<b>12.118.894.761</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hiện không có rủi ro thanh khoản và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.017.883.967	-	26.017.883.967
Phải thu khách hàng	39.328.046.138	-	39.328.046.138
Phải thu khác	470.960.368	-	470.960.368
<b>Cộng</b>	<b>65.816.890.473</b>	<b>-</b>	<b>65.816.890.473</b>

01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.898.122.339	-	39.898.122.339
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	30.314.041.816	-	30.314.041.816
Phải thu khác	366.454.670	-	366.454.670
<b>Cộng</b>	<b>73.578.618.825</b>	<b>-</b>	<b>73.578.618.825</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. Thu nhập của thành viên chủ chốt**

Chức danh	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020
Ông Mai Hữu Việt	Chủ tịch HĐQT	Lương 543.511.603 Thù lao -	550.957.400 18.000.000
Bà Lê Thị Thanh Thủy	Giám đốc	Lương 519.120.000	483.056.000
	Thành viên HĐQT	Thù lao 43.200.000	43.200.000
Ông Đinh Hồng Hà	Phó Giám đốc	Lương 444.960.000	459.648.000
Bà Trà Thị Thành	Phó Giám đốc	Lương 444.960.000	459.648.000
	Thành viên HĐQT	Thù lao 43.200.000	43.200.000
Ông Lê Quang Huy	Thành viên HĐQT	Thù lao 43.200.000	43.200.000
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên HĐQT	Thù lao 21.600.000	-

**32. Sự kiện phát sinh trong kỳ**

Ngày 30/07/2021, Kiểm toán Nhà nước (KTNN) Khu vực XIII đã có Thông báo số 352/TB-KVXIII về kết quả Kiểm toán tại Công ty. Theo đó, KTNN xác định số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tăng thêm là 3.226.667.322 đồng. Trong đó có 3.059.227.322 đồng là thuế TNDN truy thu do Công ty chưa loại trừ tiền lương chưa chi khi quyết toán thuế TNDN theo quy định tại Khoản 2.6, Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính (số tiền lương chưa chi là 21.851.623.730 đồng) hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ.

Ngày 18/10/2021, Cục Thuế tỉnh Bình Thuận cũng đã có Quyết định số 1365/QĐ-XPVPHIC xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty, theo đó, truy thu thuế TNDN là 3.226.667.322 đồng, xử phạt vi phạm và tiền chậm nộp, tổng tiền 839.901.504 đồng.

Công ty nhận thấy, công ty hoạt động chính trong lĩnh vực công ích, nguồn thu phụ thuộc rất lớn vào việc thanh toán kinh phí hoạt động dịch vụ công ích (DVCI) của UBND Thành phố Phan Thiết. Hàng năm, UBND thành phố chậm quyết toán và thanh toán kinh phí cho Công ty, khoản nợ hoạt động DVCI kéo dài nên Công ty không có kinh phí để thanh toán lương cho người lao động. Cùng vấn đề này, trước đây, năm 2019, theo Quyết định số 180/QĐ-KTNN ngày 22/03/2019 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán ngân sách năm 2018 của Tỉnh Bình Thuận, Tổ Kiểm toán Nhà nước đã tiến hành kiểm toán tại Công ty. Trong thời gian làm việc tại Công ty, tổ KTNN đã nêu ra tồn tại về khoản tiền lương phải trả cho người lao động năm 2018 số tiền 14.330.652.285 đồng. Nội dung này, Công ty đã có văn bản giải trình ngày 20/05/2019 gửi Đoàn KTNN khu vực XIII về những tồn tại, khó khăn vướng mắc tại đơn vị và tại Thông báo số 354/TB-KVXIII ngày 07/10/2019 Kiểm toán đã thống nhất không loại trừ khoản tiền lương chưa chi trả cho người lao động để xác định thu nhập chịu thuế đối với Báo cáo tài chính năm 2018.

Hiện tại, Công ty đang kiến nghị với các cơ quan chức năng về việc đề nghị không truy thu thuế TNDN (số tiền 3.059.227.322 đồng) tương ứng với khoản tiền lương chưa thanh toán cho người lao động năm 2019 trở về trước (số tiền 21.851.623.730 đồng). Nhưng đến nay chưa có ý kiến của các Cơ quan chức năng. Công ty tạm ghi nhận nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm khoản phải trả người lao động, số tiền 3.059.227.322 đồng, chờ ý kiến chính thức từ các đơn vị (UBND Tỉnh đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước; Cục thuế và Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII).

**33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**34. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC.



Lê Thị Thanh Thủy

Bình Thuận, ngày 27 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Phương

Người lập biểu

Phạm Xuân Hưng

**CÔNG TY CỔ  
PHẦN MÔI  
TRƯỜNG VÀ  
DỊCH VỤ ĐÔ THỊ  
BÌNH THUẬN**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN  
DN: E=NGOLOCO504@YAHOO.COM.VN,  
OID.0.9.2342.1#2.003.00.100.1.1=MST:  
3400861721, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ BÌNH THUẬN, O=UBND TỈNH BÌNH THUẬN, L=BÌNH THUẬN, C=VN  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2022-03-31 08:59:15  
Foxit Reader Version: 9.7.1

Bình Thuận, ngày 20 tháng 04 năm 2022

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**MAI HỮU VIỆT**







## THÔNG TIN CHI TIẾT LIÊN HỆ:



Số 578 Trần Hưng Đạo, Phường Đức Long, TP Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận.



Điện thoại: 02523 8 19572.



Website: [www.moitruongdothibinhthuan.vn](http://www.moitruongdothibinhthuan.vn)